Ngày giảng: ngày 7 tháng 9 năm 2020

**TUẦN 1:**

**Tiết 1,2:** **ÔN TẬP**

**I. Mục tiêu cần đạt**

**1. Kiến thức:**

- Giúp học sinh ôn tập lại một số kiến thức về câu phân loại theo cấu tạo đã học ở lớp 6.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng xác định các biện pháp tu từ

**3. Thái độ:**

- HS có thái độ ôn tập tốt.

**II. Nội dung ôn tập**

**1. Phó từ:**

***a. Khái niệm phó từ :***

- Phó từ là những từ chuyên đi kèm với động từ, tính từ, để bổ sung ý nghĩa cho động từ, tính từ

**b. Các loại phó từ: Có 2 loại lớn:**

- Phó từ đứng trước động từ, tính từ: Thường bổ sung ý nghĩa về quan hệ thời gian, mức độ, sự tiếp diễn tương tự, sự phủ định, sự cầu khiến

- Phó từ đứng sau động từ, tính từ: Bổ sung ý nghĩa về mức độ, khả năng, kết quả và hướng

**2. So sánh:**

***a. Khái niệm so sánh :***

- So sánh là đối chiếu sự vật này với sự vật khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

VD: Môi đỏ như son.

***b. Cấu tạo của phép so sánh :*** Mô hình phép so sánh: gồm 4 phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Vế A  (Sự vật được so sánh) | Phương diện so sánh | Từ so sánh | Vế B  (Sự vật dùng để so sánh.) |
| Môi | đỏ | như | son |

VD: Da trắng như tuyết.

(1) (2) (3) (4)

***c. Các kiểu so sánh :*** Căn cứ vào các từ so sánh ta có hai kiểu so sánh:

- So sánh ngang bằng

(Từ so sánh: như, giống, tựa, y hệt, y như, như là, …)

- So sánh không ngang bằng

(Từ so sánh: hơn, thua, chẳng bằng, khác hẳn, chưa bằng, …)

***d. Tác dụng:***

- Giúp sự vật, sự việc được cụ thể, sinh động.

- Giúp thể hiện sâu sắc tư tưởng tình cảm của tác giả.

**3. Nhân hóa:**

***a. Khái niệm nhân hóa :*** Nhân hóa là gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật… bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người; làm cho con vật, cây cối… trở nên gần gũi với con người, biểu thị được những suy nghĩ, tình cảm của con người.

***b. Các kiểu nhân hóa:*** Có 3 kiểu:

a/ Dùng những từ vốn gọi người à để gọi vật

VD: Bác Tai, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay cùng đến nhà Lão Miệng.

b/ Dùng những từ chỉ hoạt động, tính chất của người à để chỉ hoạt động, tính chất của vật

VD: Con mèo nhớ thương con chuột.

c/ Trò chuyện, xưng hô với vật như với người

VD: Trâu ơi. Ta bảo trâu này.

**4. Ẩn dụ:**

***a. Khái niệm ẩn dụ*** :

- Ẩn dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

***b. Các kiểu ẩn dụ:*** Có 4 kiểu ẩn dụ thường gặp.

- Ẩn dụ hình thức

- Ẩn dụ cách thức

- Ẩn dụ phẩm chất

- Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác

**5. Hoán dụ**:

***a. Khái niệm hoán dụ :***

- Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên của một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

***b. Các kiểu hoán dụ.*** Có 4 kiểu:

- Lấy bộ phận để gọi toàn thể

- Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng

- Lấy dấu hiệu sự vật để gọi sự vật

- Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng

***c.So sánh ẩn dụ và hoán dụ*** :

\* Giống nhau :

- Đều gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên của một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác

- Nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt

\* Khác nhau :

Ẩn dụ

Hoán dụ

· Dựa vào nét tương đồng về:

+ Hình thức

+ Cách thức

+ Phẩm chất

+ Chuyển đổi cảm giác

· Dựa vào quan hệ gần gũi:

+ Bộ phận với toàn thể

+ Cụ thể với trừu tượng

+ Dấu hiệu của sự vật với sự vật

+ Vật chứa đựng với vật bị chứa đựng

**6. Các thành phần chính của câu:**

***a. Phân biệt TPC với TPP của câu***.

- Thành phần chính: là thành phần bắt buộc phải có mặt trong câu để câu có cấu tạo hoàn chỉnh và diễn đạt được một ý trọn vẹn. ( CN + VN )

- Thành phần phụ: là thành phần không bắt buộc phải có mặt trong câu ( trạng ngữ, … )

***b. Vị ngữ:*** - Là thành phần chính của câu

- Có khả năng kết hợp với các phó từ chỉ quan hệ thời gian ở phía trước.

- Trả lời cho các câu hỏi: Làm gì? Là gì? Làm sao? Như thế nào?

- Cấu tạo: động từ hoặc cụm động từ, tính từ hoặc cụm tính từ, danh từ hoặc cụm danh từ.

- Trong câu có thể có một hoặc nhiều vị ngữ.

***c. Chủ ngữ***: - Là thành phần chính của câu

- Nêu tên của sự vật, hiện tượng, … được nói đến ở vị ngữ.

-Trả lời cho các câu hỏi: Ai? Cái gì? Con gì?

- Cấu tạo: danh từ hoặc cụm danh từ, động từ hoặc cụm động từ, tính từ hoặc cụm tính từ.

- Trong câu có thể có một hoặc nhiều chủ ngữ.

**7. Câu trần thuật đơn:**

\* Câu trần thuật đơn :

- Cấu tạo: Là loại câu do một cụm C – V tạo thành (Câu đơn )

( Lưu ý: câu có 1 CN và nhiều VN hoặc câu có nhiều CN và 1 VN đều được xem là câu đơn )

- Chức năng: Dùng để giới thiệu, tả hoặc kể về một sự việc, sự vật hay để nêu một ý kiến.

**8. Câu trần thuật đơn có từ là**:

***a. Đặc điểm của câu trần thuật đơn có từ “là”*** :

- Vị ngữ thường do từ “là” kết hợp với danh từ (CDT) tạo thành. Ngoài ra, có thể kết hợp với động từ (cụm động từ ), tính từ (cụm tính từ ).

- Khi biểu thị ý phủ định nó kết hợp với các cụm từ “không phải, chưa phải”.

***b. Các kiểu câu trần thuật đơn có từ là :*** Một số kiểu đáng chú ý:

- Câu định nghĩa

- Câu miêu tả

- Câu đánh giá

- Câu giới thiệu

**9. Câu trần thuật đơn không có từ là:**

***a. Đặc điểm của câu trần thuật đơn không có từ “là” :***

Vị ngữ thường do động từ hoặc cụm động từ, tính từ hoặc cụm tính từ tạo thành.

- Khi biểu thị ý phủ định, vị ngữ kết hợp với các từ không, chưa.

***b. Các kiểu câu trần thuật đơn không có từ “là”:***

- Câu miêu tả: CN – VN

VD: Con chim / đang bay.

- Câu tồn tại: VN - CN

VD: Trong nhà, có / khách.

**10. Chữa lỗi về chủ ngữ và vị ngữ:**

***a. Câu thiếu chủ ngữ:***

Nguyên nhân sai: Lầm trạng ngữ với chủ ngữ.

Sửa:

- Thêm chủ ngữ

- Biến trạng ngữ à chủ ngữ

***b. Câu thiếu vị ngữ:***

- Nguyên nhân: Lầm định ngữ là vị ngữ.

- Sửa:

+ Thêm vị ngữ:

+ Biến định ngữ là chủ ngữ

- Nguyên nhân: Lầm phần phụ chú là vị ngữ.

- Sửa:

+ Thêm vị ngữ

+ Thay dấu phẩy bằng từ là

***c. Câu thiếu cả chủ ngữ***.

+ Nguyên nhân: chưa phân biệt được trạng ngữ và chủ ngữ, vị ngữ.

Cách chữa lỗi.

Bổ sung nòng cốt chủ vị.

***d. Câu sai về quan hệ ngữ nghĩa giữa các thành phần câu***

- Nguyên nhân: sắp xếp các thành phần câu không hợp lý.

- Cách chữa lỗi.

- Viết lại cho đúng với trật tự ngữ pháp, ngữ nghĩ

Ngày giảng: ngày 14 tháng 9 năm 2020

**TUẦN 2**

**Tiết 3:** **CỔNG TRƯỜNG MỞ RA**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

Cảm nhận và thấm thía những tình cảm thiêng liêng, sâu nặng của người mẹ đối với con và vai trò to lớn của nhà trường đối với cuộc sống mỗi con người.

**2. Kĩ năng**: - Đọc, hiểu và phân tích một văn bản, kỹ năng phân tích diễn biến tâm lý nhân vật

**3. Thái độ:** Yêu quý, kính trọng và biết ơn đối với cha mẹ, có ý thức học tập đúng đắn khi ngồi trên ghế nhà trường.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Ôn tập lý thuyết**  - Nêu hiểu biết của em về tác giả, tác phẩm?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:**  Tâm trạng của người mẹ trong đêm trước ngày con khai trường?  **Câu 2:** Trong cái nhìn và suy nghĩ của người mẹ khi thấy con ngủ thể hiện tình cảm gì của người mẹ? Theo em tại sao người mẹ lại không ngủ được?  **Câu 3:** Tác giả đã sử dụng nghệ thuật tiêu biểu nào để diên tả tâm trạng của người mẹ?  **Câu 4:** Qua sự hồi tưởng của người mẹ, em cảm nhận được gì về ý nghĩa của ngày khai trường đầu tiên trong cuộc đời mỗi con người?  **Câu 5:** Trong buổi tối không ngủ được, người mẹ đã liên tưởng đến điều gì cho buổi sáng ngày mai? | - HS trình bày  - HS miêu tả tâm trạng của người mẹ  - HS đọc câu hỏi và suy nghĩ trả lời  - HS trình bày nghệ thuật trong truyện  - Hs phân tích  - Hs suy nghĩ trả lời | **I. Lý thuyết**  ***a. Tác giả***  - Lí Lan sinh năm 1957, quê ở Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Quê mẹ ở Lái Thiêu, quê cha ở huyện Triều Dương, thành phố Sán Đầu, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Tám năm đầu đời Lý Lan sống ở quê mẹ, sau khi mẹ mất thì gia đình về Chợ Lớn định cư.  - Là một phụ nữ đa tài, vừa là nhà giáo, nhà văn và đồng thời là một dịch giả nổi tiếng  ***b. Tác phẩm***  - “Cổng trường mở ra” được in trên báo Yêu trẻ, số 166, ngày 1-9-2000  - Văn bản ghi lại chân thực cảm xúc của người mẹ trong đêm trước ngày khai trường của con  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Những tình cảm dịu ngọt mẹ dành cho con:  + Trìu mến quan sát những việc làm của con (giúp mẹ thu dọn đồ chơi, háo hức ngày mai thức dậy cho kịp giờ,…)  + Vỗ về cho con ngủ, xem lại những thứ đã chuẩn bị cho con trong ngày đầu tiên đến trường,..  - Tâm trạng của người mẹ trong đêm trước ngày con khai trường – không ngủ được:  + Suy nghĩ về việc làm cho ngày đầu tiên con đi học có ý nghĩa  + Hồi tưởng lại những kỉ niệm không thể nào quên của bản thân trong ngày đầu tiên đi học  + Hôm nay, mẹ không tập trung được vào việc gì  + Mẹ lên giường trằn trọc… không ngủ được  + Mẹ nhớ sự nôn nao, hồi hộp khi cùng bà ngoại đi gần tới cổng trường và nỗi chơi vơi, hốt hoảng khi cổng trường đóng lại  ⇒ Yêu thương con, tình cảm sâu nặng đối với con và luôn luôn lo lắng, suy nghĩ cho con  **Câu 2:**  - Người mẹ nhớ về ký ức tuổi thơ, về ngày khai trường năm xưa của chính mình.  - Người mẹ nhớ về câu văn của Thanh Tịnh trong bài “Tôi đi học”: “Hàng năm … dài và hẹp”  - Nhớ về cảm xúc bâng khuâng, xao xuyến, rạo rực (từ láy) còn sâu đậm nơi người mẹ và người mẹ muốn truyền cái cảm xúc ấy sang cho con, biến nó thành ấn tượng sâu sắc suốt đời của con.  - Mẹ nhớ sự nôn nao, hồi hộp khi cùng bà ngoại đi tới gần trường và nỗi chơi vơi hốt hoảng khi cổng trường đóng lại.  **Câu 3:**  - Từ láy: khắc họa sâu sắc những nét tâm trạng của người mẹ còn in đậm về ngày khai trường đầu tiên của mình.  => Ngày khai trường đầu tiên trở thành kỉ niệm sâu sắc trong cuộc đời của mỗi người đã từng là học sinh.  => Khẳng định về tình mẫu tử thiêng liêng, cao đẹp.  **Câu 4:** Người mẹ suy nghĩ và liên tưởng đến ngày khai trường ở Nhật Bản và tầm quan trọng của giáo dục:  - Ngày khai trường ở Nhật Bản:  + Là ngày lễ trọng đại của toàn xã hội;  + Là ngày người lớn và toàn xã hội thể hiện sự quan tâm, chăm sóc đối với trẻ em, đối với tương lai đất nước.  - Nền giáo dục ở NB: được ưu tiên hàng đầu, các chính sách được điều chỉnh kịp thời.  - Khẳng định tầm quan trọng của giáo dục đối với thế hệ trẻ:“Ai cũng biết rằng … .sau này”.  **Câu 5:**  - Người mẹ nghĩ đến ngày mai: đưa con đến trường, cầm tay con, rồi buông tay dặn dò: “Đi đi con … kì diệu sẽ mở ra”  -> Mẹ tin tưởng và khích lệ con.  -> Tình thương con gắn liền với hi vọng vào đứa con thơ.  => Người mẹ sâu sắc, tình cảm, tế nhị, hiểu biết và rất mực yêu thương con. |

***4. Củng cố:***

**-** Nêu giá trị nội dung,nghệ thuật của văn “Cổng trường mở ra”

Ngày giảng: ngày 14 tháng 9 năm 2020

**TUẦN 2**

**Tiết 4:**  **MẸ TÔI**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức :** Qua bức thư của bố, qua tâm trạng của người cha trước lỗi lầm của đứa con đối với mẹ, tác giả muốn những đứa con khắc sâu trong lòng rằng mẹ là người đáng kính, đáng yêu nhất. Phạm lỗi đối với mẹ là những lỗi đáng trách, đáng lên án, đáng ân hận nhất. Cách giáo dục nghiêm khắc nhưng vẫn tế nhị, có lí, có tình với người cha.

- Nghệ thuật biểu hiện thái độ, t/cảm và tâm trạng gián tiếp qua một bức thư.

- Ngôi kể thứ nhất : xưng tôi - nhân vật kể chuyện

**2. Kĩ năng :**

- Phân tích tâm trạng của nhân vật.

-Bước đầu biết cách xây dựng văn biểu cảm.

**3. Thái độ:** Giáo dục tình yêu thương và sự kính trọng, biết ơn đối với cha mẹ. Nhìn nhận ra lỗi lầm và có cách cư xử tế nhị trong cuộc sống.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: đọc bài

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học***:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung bài học** |
| **Hoạt động 1: Ôn tập lý thuyết**  **Câu 1:** Hãy nêu những hiểu biết của em về tác giả A – mi – xi?  **Câu 2:** Nêu xuất xứ của văn bản “Mẹ tôi”  **Hoạt động 2: Luyện tập kĩ năng**  **Câu 1:** Văn bản trên có thể chia bố cục như thế nào? Nêu nội dung của từng phần?  **Câu 2:** Tại sao văn bản là một bức thư người bố gửi cho con, nhưng nhan đề văn bản lấy tên là “Mẹ tôi”?  **Câu 3:** Hình ảnh người mẹ En - ri - cô hiện lên như thế nào trong bức thư của người cha? Chỉ ra những chi tiết cụ thể?  **Câu 4**: Trước lỗi lầm của con, người cha có tâm trạng như thế nào?  **Câu 5:** Tại sao En ri cô lại cảm thấy xúc động khi đọc bức thư của bố? | - HS trình bày  - Hs nêu xuất xứ  - HS chia bố cục  - Hs trả lời  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs phân tích  - Hs phân tích | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  - E. A-mi-xi (1846- 1908) là nhà văn I- ta-li-a.  **Câu 2:**  Văn bản “Mẹ tôi trích từ tập truyện “Những tấm lòng cao cả” (1886)  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**Bố cục.  - Đoạn 1: Từ đầu -> vô cùng: Lí do viết thư.  - Đoạn 2: tiếp -> yêu thương đó: Hình ảnh người mẹ trong tâm trạng của người cha.  - Đoạn 3: còn lại: Thái độ của người cha trước lỗi lầm của con.  **Câu 2:** Nhan đề văn bản: “Mẹ tôi”  - Bà mẹ tuy không xuất hiện trực tiếp nhưng là tiêu điểm mà các nhân vật và các chi tiết trong văn bản đều hướng tới.  **Câu 3:** Hình ảnh của người mẹ trong tâm trạng của người cha  - Những kỉ niệm về người mẹ:  + Thức suốt đêm, cúi mình trong chiếc nôi……  + Quằn quại về nỗi lo sợ, khóc nức nở…..  + Sẵn sàng bỏ hết một năm hạnh phúc để tránh cho con một giờ đau đớn.  + Có thể ăn xin để nuôi con  + Có thể hy sinh tính mạng để cứu sống con.  -> Người mẹ có tình yêu thương con thắm thiết, sâu nặng.  -> Người mẹ có đức hy sinh cao cả**.**  **Câu 4:** Những lời nhắn nhủ, tâm tình và thái độ của người cha trước lỗi lầm của con.  \* Tâm trạng của người cha trước lỗi lầm của con.  + “Con đã thiếu lễ độ với mẹ”  + “Sự hỗn láo của con như một vết dao đâm vào tim bố vậy”  => Đau lòng, tức giận và thất vọng về con. Vì:  + Người cha hết mực yêu quý và thông cảm với vợ, vì tình yêu con của mình.  **Câu 5:** En-ri-cô xúc động khi đọc bức thư của bố vì:  - Bố gợi lại những kỉ niệm xúc động giữa mẹ và En ri cô.  - Vì thái độ kiên quyết và nghiêm khắc của bố.  - Vì những lời nói chân tình và sâu sắc của bố.  - Vì En ri cô thấy xấu hổ và ân hận vì lỗi lầm của mình |

***4. Củng cố***

**-** Sau khi học xong văn bản “Mẹ tôi” em rút ra được bài học gì?

Ngày giảng: ngày 21 tháng 9 năm 2020

**TUẦN 3**

**Tiết 5,6:** **CUỘC CHIA TAY NHỮNG CON BÚP BÊ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức :**

- Thấy được những tình cảm chân thành và sâu nặng của hai em bé trong câu chuyện. Cảm nhận được nỗi đau đớn, xót xa của những bạn nhỏ có hoàn cảnh gia đình bất hạnh, cha mẹ ly hôn.

- Nhận ra được cách kể chuyện chân thật và cảm động của tác giả..

**2. Kĩ năng :**

**-** Kể chuyện, miêu tả tâm lý nhân vật.

- Phân tích diễn biến tâm lí nhân vật..

**3. Thái độ:**

- Cảm thông, chia sẻ với những người bạn có hoàn cảnh éo le, bất hạnh.

- Có ý thức giữ gìn, trân trọng tình cảm anh em ruột thịt, tình cảm gia đình.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1:**  **Câu 1:** Nêu những hiểu biết của em về truyện ngắnnày?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:**  Xác định bố cục của văn bản?  **Câu 2**: Thái độ và tâm trạng của 2 anh, em khi nghe mẹ giục chia đồ chơi hiện lên qua các cử chỉ nào?  **Câu 3:** Vì sao hai anh em có tâm trạng như vậy?  **Câu 4:** Hai con búp bê có ý nghĩa như thế nào đối với hai anh em Thành và Thuỷ?  **Câu 5:** Cuộc chia búp bê diễn ra như thế nào?  **Câu 6:** Cả hai anh em có muốn chia búp bê không? Qua đó thể hiện mong ước gì của hai anh em? | - Hs trình bày  - Hs xác định bố cục  - Hs phân tích  - Hs giải thích  - Hs trả lời  - Hs nêu diễn biến  - Hs trả lời | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  *a. Tác giả*  - Khánh Hoài, bút danh khác là Bảo Châu, tên khai sinh là Đỗ Văn Xuyền, sinh năm 1937  - Quê gốc ở xã Đông Kinh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình  - Các tác phẩm đã xuất bản: Trận chung kết (truyện dài, 1975), Những chuyện bất ngờ (truyện vừa, 1978), Cuộc chia tay của những con búp bê (truyện, 1992), …  *b. Tác phẩm*  - Truyện ngắn “Cuộc chia tay của những con búp bê” được trao giải Nhì, cuộc thi thơ – văn viết về quyền trẻ em, do Viện Khoa học Giáo dục và Tổ chức cứu trợ trẻ em Rát-đa Bác-nen Thụy Điển tổ chức năm 1992  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Đoạn 1: Đầu  “hiếu thảo như vậy”: Cuộc chia tay búp bê.  - Đoạn 2: Tiếp  “trùm lên cảnh vật”: Cuộc chia tay với cô giáo và các bạn.  - Đoạn 3: Còn lại: Cuộc chia tay giữa hai anh em.  **Câu 2:**  Tâm trạng của hai anh em khi nghe mẹ giục chia đồ chơi:  - Thuỷ:  + Run lên bần bật, kinh hoàng  + Cặp mắt tuyệt vọng, buồn thăm thẳm  + Hai bờ mi đã căng mọng lên vì khóc.  - Thành: Cắn chặt môi để khỏi bật lên tiếng khóc, nhưng nước mắt cứ tuôn ra như suố  **Câu 3:**  \* Tình cảm của 2 anh em:  - “Anh em tôi rất yêu thương nhau”  - Thuỷ ra sân vận động vá áo cho anh  - Thành giúp em học và chiều nào cũng đi đón em.  - Khi chia đồ chơi, Thành nhường hết đồ chơi cho em.  - Thuỷ hàng đêm thường đặt con vệ sĩ canh gác cho anh.  -> Tình cảm gần gũi, gắn bó, thương yêu, quan tâm chia sẽ lẫn nhau.  **Câu 4:**  \* Cuộc chia búp bê:  - Hai con búp bê (VS và E nhỏ)  + Là đồ chơi thân thiết nhất của hai anh em  + Là hình ảnh anh em ruột thịt luôn ở bên nhau.  **Câu 5:**  - Diễn biến:  + Thành: Lấy 2 con búp bê đặt sang 2 phía.  + Thuỷ: Tru tréo, giận giữ “anh…?”, sao anh ác thế!  + Thành: Đặt con Vsĩ vào cạnh con EN  + Thuỷ: Lo cho anh không có ai trông giấc ngủ bỗng nhiên vui vẻ: “Anh xem chúng đang cười kìa”.  **Câu 6:**  -> Hai anh em không muốn chia búp bê  Anh em không muốn chia xa.  -> Cuộc chia tay búp bê cũng như cuộc chia tay của hai anh em Thành và Thuỷ là điều nghịch lí, tình cảm ruột thịt, trong sáng, gắn bó lại phải chia lìa. |

***4. Củng cố:***  Em có cảm nhận như thế nào về tình cảm của hai anh em ở đoạn văn thứ nhất?

Ngày giảng: ngày 28 tháng 9 năm 2020

**TUẦN 4**

**Tiết 7:** **TỪ GHÉP**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

-Nắm được cấu tạo và ý nghĩa của các loại từ ghép.

**2. Kĩ năng**:

- Nhận diện, phân tích và sử dụng từ ghép đúng nghĩa trong khi nói và viết.

**3. Thái độ**: Giáo dục ý thức học tập tích cực,ý thức giữ gìn, phát huy sự giàu đẹp và trong sáng của Tiếng Việt.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  - Tìm hiểu các loại từ ghép  **Hoạt động 2**: **Luyện tập**  **Câu 1**: Hãy tìm từ ghép trong đoạn trích sau:  *“Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm. Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng. Đôi càng tôi mẫm bóng. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt. Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt tôi co cẳng lên, đạp phanh phách vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gãy rạp y như có nhát dao vừa lia qua”*  **Câu 2:**Cho các tiếng: mặt, học, dạy, xinh, tươi, nhà, trâu, áo. Em hãy tạo các thành các từ ghép đẳng lập  **Câu 3**: Hãy phân tích cấu tạo của các từ sau: hợp tác xã , công nghiệp hóa, nem cua bể | - Hs ôn tập  - Hs tìm từ ghép  - Hs trả lời  - Hs phân tích | **I. Lý thuyết**  - Từ ghép có hai loại chính: từ ghép chính phụ và đẳng lập  + Từ ghép chính phụ: tiếng chính, tiếng phụ bổ sung nghĩa cho tiếng chính. Tiếng chính đứng trước, tiếng phụ đứng sau. Có tính phân nghĩa (nghĩa từ ghép chính phụ hẹp hơn nghĩa tiếng chính)  VD: từ bà ngoại (tiếng bà là tiếng chính, tiếng ngoại là tiếng phụ) có nghĩa hẹp từ bà  + Từ ghép đẳng lập có các tiếng bình đẳng về mặt ngữ pháp (không phân ra tiếng chính, tiếng phụ). Từ ghép đẳng lập có tính chất hợp nghĩa, nghĩa của từ ghép đẳng lập khái quát hơn nghĩa của các tiếng tạo nên nó  VD: từ quần áo (tiếng quần và áo đẳng lập với nhau về nghĩa) có nghĩa khái quát hơn nghĩa của tiếng quần/ áo  **II. Luyện tập**  **Câu 1** : Từ ghép có trong đoạn trích:  Ăn uống; điều độ; làm việc; chừng mực; thanh niên; cường tráng; lợi hại; nhọn hoắt; thỉnh thoảng; ngọn cỏ  **Câu 2:**  - Các từ ghép đẳng lập được tạo thành từ các tiếng có sẵn:  - Mặt mũi, học hành, dạy dỗ, xinh đẹp, tươi tốt, nhà cửa, trâu bò, áo quần-  **Câu 3:**  Từ ghép | Ngữ văn 7 |

***4. Củng cố:***Nghĩa của từ ghép đẳng lập và nghĩa của từ ghép chính phụ

Ngày giảng: ngày 28 tháng 9 năm 2020

**TUẦN 4**

**Tiết 8:** **BỐ CỤC TRONG VĂN BẢN**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức :**

- Tầm quan trọng của bố cục trong văn bản, thế nào là bố cục rành mạch và hợp lí.

- Tính phổ biến và hợp lí của dạng bố cục ba phần, nhiệm vụ của mỗi phần.

**2. Kĩ năng** : - Xây dựng văn bản đầy đủ bố cục ba phần rành mạch và hợp lí.

**3. Thái độ**: Ý thức học tập thường xuyên, nghiêm túc, tích cực.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1:** **Lý thuyết**  - Trình bày kiến thức về bố cục văn bản?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Hãy nêu lại bố cục của văn bản *“Bài học đường đời đầu tiên”*. Có thể kể lại câu chuyện đó theo bố cục khác được không?  **Câu 2:** Xây dựng dàn ý cho bài tập làm văn viết về ngôi trường của em. | - Hs trình bày  - Hs nêu bố cục  - Hs xây dựng | **I. Lý thuyết**  - Văn bản được sắp xếp theo một trình tự nhất định, có bố cục rõ ràng, thể hiện sự bố trí, sắp xếp các phần, các đoạn theo một trình tự, một hệ thống rành mạch và hợp lí  - Điều kiện để bố cục rành mạch, hợp lí:  + Nội dung các phần, các đoạn phải được thống nhất chặt chẽ với nhau, đồng thời giữa chúng phải có sự phân biệt rạch ròi  + Trình tự sắp xếp phải giúp cho người viết dễ dàng đạt được mục đích giao tiếp đề ra  - Văn bản được xây dựng gồm ba phần: Mở, thân, kết bài  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Bố cục của văn bản: Bài học đường đời đầu tiên:  + Phần 1: Vẻ ngoài và tính cách của Dế Mèn  + Phần 2: Câu chuyện bài học đường đời đầu tiên  **Câu 2:** LậpDàn ý  *Mở bài:* Giới thiệu về ngôi trường của em (tên gọi, năm thành lập, vị trí địa lý)  *Thân bài*:  - Miêu tả khái quát: diện tích, không gian bao quát, đặc điểm nhận dạng ra ngôi trường  - Miêu tả chi tiết: Lớp học, sân trường  + Điểm đặc biệt của lớp học, cách sắp xếp, trang trí lớp học  + Số lượng lớp học, phòng chuyên môn, sân vận động, hội trường…  + Sân trường trong những giờ ra chơi, giờ chào cờ, giờ tập thể dục…  - Truyền thống dạy và học của nhà trường  + Trường đạt được thành tích gì trong giáo dục  + Các thế hệ học trò đóng góp gì cho nhà trường  - Đội ngũ giáo viên giỏi, tận tình, hết lòng vì học sinh  - Học sinh: ngoan ngoãn, chăm chỉ, hiếu học  - Các hoạt động xã hội của nhà trường: từ thiện, tham gia phong trào tình nguyện của thành phố/ địa phương  - Các ngày hội lớn của trường: 20/11; 26/3… thường có nhiều cuộc thi, trò chơi hấp dẫn, bổ ích  - Ngôi trường là niềm tự hào của nhiều thế hệ học trò  *Kết bài:* Nêu tình cảm của em cũng như nhiều thế hệ học trò đối với thầy cô và ngôi trường. |

***4. Củng cố:*** Nêu những yêu cầu về bố cục trong văn bản?

Ngày giảng: ngày 5tháng 10 năm 2020

**TUẦN 5**

**Tiết 9:**  **NHỮN G CÂU HÁT VỀ TÌNH CẢM GIA ĐÌNH**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Học sinh hiểu được

+ Khái niệm về ca dao, dân ca

+ Nắm được nội dung, ý nghĩa và một số hình thức nghệ thuật miêu tả của những bài ca dao về tình cảm gia đình.

+ Thuộc những bài cao dao về tình cảm gia đình

**2. Kĩ năng** :

+ Tìm hiểu và phân tích ca dao

+ Đọc thuộc ca dao, sưu tầm ca dao cùng đề tài.

**3. Thái độ**:

+ Bồi dưỡng tình yêu, lòng kính trọng, sự biết ơn đối với cha mẹ, ông bà.

+ Trân trọng và giữ gìn tình cảm anh em trong sáng, gắn bó

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I: Lý thuyết**  - Khái niệm về dân ca, ca dao?  **Hoạt động II: Luyện tập**  **Câu 1:** Bài ca dao là lời của ai nói với ai?nói trong hoàn cảnh nào? Nói về điều gì?  **Câu 2:** Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng ở hai câu đầu?  **Câu 3:** Câu 3 có ý nghĩa như thế nào trong toàn bộ bài ca?  **Câu 4:** Trong bài ca thứ 4, các từ “người xa”, “bác mẹ”,“cùng thân” có nghĩa như thế nào?  **Câu 5:** Câu cuối có ý nghĩa gì? | - Hs nêu khái niệm  - Hs trả lời.  - Hs nêu biện pháp trong bài  - Hs nêu ý nghĩa trong bài ca  - Hs phân tích | **I. Lý thuyết**  - Ca dao - dân ca: là tên gọi chung của các thể loại trữ tình dân gian, kết hợp lời và nhạc diễn tả đời sống nội tâm của con người.  + Dân ca: là những sáng tác, kết hợp lời và nhạc dân gian (VD: quan họ, chèo, ví, hò, hát ru…)  + Ca dao: Là lời thơ của dân ca  - Ngoài ra còn được dùng để chỉ một thể thơ dân gian - thể ca dao.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:** - Lời của người mẹ khi ru con, nói với con về công lao của cha mẹ đối với con cái.  **Câu 2:**  - Hai câu đầu: so sánh, ví von.  + Công cha – núi ngất trời.  + Nghĩa mẹ – nước biển đông  - Sự so sánh với những đại lượng khó xác định, chỉ sự lớn lao, vĩnh cửu của tự nhiên -> K/đ công cha và nghĩa mẹ là vô cùng lớn lao và vĩ đại không gì đo đếm được.  + Cha: đàn ông - cứng rắn so sánh với núi  + Mẹ: đàn bà - mềm mại so sánh với nước.  **Câu 3:** Câu 3: Có tính chất chuyển ý, vừa khẳng định nội dung ở câu 1,2 vừa mở ra ý ở câu cuối:  - Câu cuối: Thêm âm điệu nhắn nhủ, tôn kính, tâm tình.  + Cù lao chín chữ: Cụ thể hoá công cha và nghĩa mẹ.  + Ghi lòng: Khắc, tạc trong lòng, suốt đời không bao giờ quên.  **Câu 4:**  - Tĩnh cảm anh em được cắt nghĩa trên những cơ sở:  + Không phải là người xa lại  + Đều cùng cha mẹ sinh ra  + Có quan hệ máu mủ, ruột thịt  **Câu 5:**  - Tình anh em gắn bó đem lại hạnh phúc cho cha mẹ.  - Đó là một cách báo hiếu cha mẹ |

***4. Củng cố:*** bài ca này có ý nghĩa gì?

Ngày giảng: ngày 5 tháng 10 năm 2020

**TUẦN 5**

**Tiết 10:**

**NHỮN G CÂU HÁT VỀ TÌNH YÊU QUÊ HƯƠNG**

**ĐẤT NƯỚC, CON NGƯỜI**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**: Học sinh cảm nhận được:

+ Tình yêu thương và niềm tự hào chân thành, tinh tế, sâu sắc của người dân ta trước vẻ đẹp của quê hương, đất nước, con người.

+ Hình thức đối đáp, hỏi mời, nhắn gửi là các phương thức diễn đạt trong ca dao về tình yêu quê hương, đất nước, con người.

**2. Kĩ năng** : Cảm nhận, phân tích ca dao về tình yêu quê hương, đất nước, con người.

**3. Thái độ**: Yêu quý, tự hào và có ý thức giữ gìn, phát huy những nét đẹp của quê hương, đất nước, con người VN.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I: Lý thuyết**  - Giá trị nội dung, nghệ thuật  **Hoạt động II: Luyện tập**  **Câu 1:** Có nhận xét gì về hình thức thể loại bài ca? Nội dung hỏi đáp ỏ bài ca này là gì?  **Câu 2:** Những địa danh nào được nhắc tới trong lời đối đáp này? Những địa danh đó có những đặc điểm riêng và chung nào?  **Câu 3:** Ở 2 câu đầu tác giả sử dụng những biện pháp tu từ nào? Tác dụng?  **Câu 4:** Hai câu cuối tả ai?  Tác giả sử dụng biện pháp tu từ nào để tả : Tác dụng?  **Câu 5:** Cái hay trong bài ca dao trên là điểm nào? | - Hs nêu giá trị  - Hs nhận xét  - Hs nêu đặc điểm riêng và chung  - Hs trả lời  - Hs nêu tác dụng  - Hs phân tích | **I. Lý thuyết**  *a. Giá trị nội dung*  “Những câu hát về tình yêu quê hương, đất nước, con người” thường gợi nhiều hơn tả, hay nhắc đến tên núi, tên sông, tên vùng đất với những nét đặc sắc về hình thể, cảnh trí, lịch sử, văn hóa của từng địa danh. Đằng sau những câu hỏi, lời đáp, lời mời, lời nhắn gửi và các bức tranh phong cảnh là tình yêu chân chất, tinh tế và lòng tự hào đối với con người và quê hương, đất nước.  *b. Giá trị nghệ thuật*  - Sử dụng thể thơ lục bát, lục bát biến thể  - Sử dụng hình thức đối đáp, ướm hỏi quen thuộc trong ca dao  - Hình ảnh so sánh, ẩn dụ, ước lệ, tượng trưng,...  - Các địa danh gần gũi, nổi tiếng,..  **II. Luyện tập**  **Câu 1:** Thể loại hỏi đáp, thường gặp trong ca dao trữ tình dao duyên cổ truyền VN  - Nội dung hỏi đáp: Những địa danh của quê hương, đất nước: Năm cửa ô Hà Nội  **Câu 2:**  - Sông Lục Đầu, Sông thương, núi Tản Viên, đền Thanh Hoá, Lạng Sơn  + Điểm riêng: Gắn với những địa phương  + Điểm chung: Đều là những nơi nổi tiếng về lịch sử, văn hoá của miền Bắc nước ta.  - Chàng trai, cô gái hỏi đáp về địa danh:  -> Thử thách trí thông minh  -> Vui chơi, giao lưu tình cảm  -> Thể hiện sự yêu quí, tự hào về qhương, đ/nước.  **Câu 3:**  - Các điệp ngữ, đảo ngữ, phép đối xứng.  + Đứng bên ni đồng - đứng bên tê đông  + Mênh mông bát ngát - bát ngát mênh mông.  -> Nhấn mạnh sự hoán đổi điểm nhìn của người miêu tả, dù ở phía nào. cũng thấy rõ cái mênh mông, rộng lớn của cánh đồng và sự trù phú, đầy sức sống của cánh đồng.  **Câu 4:**  - Tả người trong cảnh  - Biện pháp so sánh:  + Cô gái s/sánh với “Chẽn lúa đòng đòng”, “Phất phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai”.  -> Sự tương đồng ở nét trẻ trung phơi phới và sức sống đang xuân:  **Câu 5:**  Mô típ quen thuộc: “thân em”  + Trong tiếng hát than thân: Tâm trạng buồn bã, than thở, lo lắng cho số kiếp của mình.  + Trong bài này: Tâm trạng hồn nhiên, trẻ trung, phơi phới, trong sạch, tràn trề và rất mực duyên dáng.  -> Ở hai câu đầu ta chỉ thấy cánh đồng bao la, chưa thấy cái hồn của cảnh.  - Đến 2 dòng cuối hồn trong cảnh được hiện lên - con người- cô thôn nữ mảnh mai, trẻ trung, nhiều duyên thầm và đầy sức sống. |

***4. Củng cố:*** Cảm nghĩ của em sau khi học xong bài học này như thế nào?

Ngày giảng: ngày 12 tháng 10 năm 2020

**TUẦN 6**

**Tiết 11:** **TỪ LÁY**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Giúp học sinh

+ Nắm được cấu tạo của 2 loại từ láy: láy toàn bộ và láy bộ phận

+ Hiểu cơ chế tạo nghĩa của từ láy TV

**2. Kĩ năng**:

- Sử dụng từ láy tốt, đạt hiệu quả.

- Phân tích hiệu qủa ngthuật của từ láy trong tác phẩm văn họ

**3. Thái độ**: Có ý thức trân trọng, giữ gìn và phát huy sự trong sáng của Tiếng Việt.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Tìm hiểu các loại từ láy?  **Câu 2:** Nghĩa của từ láy?  **Hoạt động 2**: **Luyện tập**  **Câu 1**: (Bài tập 1 trang 43 SGK Ngữ Văn 7 Tập 1 - trang 30 VBT Ngữ Văn 7 Tập 1):  **Câu 2:**Bài tập 3 trang 43 SGK Ngữ Văn 7 Tập 1 - trang 31 VBT Ngữ Văn 7 Tập 1):  **Câu 3**: Bài tập 4 trang 43 SGK Ngữ Văn 7 Tập 1 - trang 32 VBT Ngữ Văn 7 Tập 1) | - Hs ôn tập  - Hs trình bày  - Hs thực hiện bài tập  - Hs làm bài tập  - Hs đặt câu  - Hs phân tích | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  - Từ láy đăm đăm có các tiếng lặp lại nhau hoàn toàn. Từ láy mếu máo: Sự giống nhau về phụ âm đầu giữa các tiếng. Từ láy liêu xiêu có sự giống nhau về vần giữa các tiếng.  - Dựa vào kết quả phân tích trên, từ láy được phân làm hai loại: Từ láy toàn bộ và từ láy bộ phận  **Câu 2:SGK**  **II. Luyện tập**  **Câu 1** :  - Các từ láy trong đoạn văn này: bần bật, thăm thẳm, nức nở, tức tưởi, rón rén, lặng lẽ, thược dược, rực rỡ, nhảy nhót, chiêm chiếp, ríu ran.  - Phân loại:   |  |  | | --- | --- | | Từ láy toàn bộ | Bần bật, thăm thẳm, chiêm chiếp | | Từ láy bô phận | Nức nở, tức tưởi, rón rén, thược dược, rực rõ nhảy nhót, ríu ran |   **Câu 2:**  - nhẹ nhàng, nhẹ nhõm:  a. Bà mẹ nhẹ nhàng khuyên bảo con.  b. Làm xong công việc, nó thở phào nhẹ nhõm như trút được gánh nặng.  - xấu xí, xấu xa:  a. Mọi người đều căm phẫn hành động xấu xa của tên phản bội.  b. Bức tranh của nó vẽ nguệch ngoạc, xấu xí.  - tan tành, tan tác:  a. Chiếc lọ rơi xuống đất, vỡ tan tành.  b. Giặc đến, dân làng tan tác mỗi người một ngả  **Câu 3**   |  |  | | --- | --- | | Từ | Câu chứa từ đã cho | | Nhỏ nhắn | Bạn ấy có vóc người nhỏ nhắn và rất xinh xắn | | Nhỏ nhặt | Anh ta luôn tức giận với mọi người vì những điều nhỏ nhặt | | Nhỏ nhẻ | Chị tôi làm gì cũng nhỏ nhẻ không vội vàng, hấp tấp bao giờ | |

***4. Củng cố:***Nghĩa của từ láy

Ngày giảng: ngày 12 tháng 10 năm 2020

**TUẦN 6**

**Tiết 12:**

**NHỮNG CÂU HÁT THAN THÂN**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Nắm được nội dung ý nghĩa và một số hình thức nghệ thuật tiêu biểu của những bài ca dao thuộc chủ đề than thân.

- Tích hợp với Tiếng Việt ở khái niệm đại từ, với phần Tập làm văn ở quy trình để tạo lập văn bản..

**2. Kĩ năng** : Đọc diễn cảm và phân tích cảm xúc trong thơ trữ tình.

**3. Thái độ**: Cảm thông với những số phận vất vả, bất hạnh đáng thương, thái độ học tập tích cực

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I: Lý thuyết**  - Giá trị nội dung, nghệ thuật?  **Hoạt động II: Luyện tập**  **Câu 1:** Cuộc đời lận đận, vất vả của cò được diễn tả như thế nào? Ngoài nội dung than thân, bài ca dao này còn có nội dung nào khác?  **Câu 2:** Em hiểu cụm từ “thương thay” như thế nào? Hãy chỉ ra những ý nghĩa của sự lặp lại cụm từ này trong bài 2?  **Câu 3:** Phân tích những nỗi thương thân của người lao động qua các hình ảnh ẩn dụ trong bài 2? | - Hs nêu giá trị  - Hs phân tích  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs phân tích | **I. Lý thuyết**  *a. Giá trị nội dung*  Những câu hát than thân có số lượng lớn và rất tiêu biểu trong kho tàng ca dao, dân ca Việt Nam. Ngoài ý nghĩa than thân, đồng cảm với cuộc đời nghèo khổ, cay đắng của người lao động, những câu hát này còn có ý nghĩa phản kháng, tố cáo xã hội phong kiến  *b. Giá trị nghệ thuật*  - Thể thơ lục bát  **II. Luyện tập**  **Câu 1:** Dùng phương pháp ẩn dụ, dùng hình ảnh con cò để nói về cuộc đời con người và sử dụng rất nhiều biện pháp nghệ thuật khác.  - Từ láy "lận đận" và thành ngữ "lên thác xuống ghềnh" làm cho nỗi cơ cực và vất vả của cuộc đời cò tăng lên gấp bội lần.  - Biện pháp đối lập: Đây là đặc trưng nổi bật của bài ca dao này, xuất hiện ở cả 4 dòng thơ.  + Nước non >< một mình đối lập giữa cái mênh mông rộng lớn và cái nhỏ bé cô đơn, lẻ loi của thân cò.  + Thân cò >< thác ghềnh; lên >< xuống đối lập giữa cái nhỏ bé yếu ớt của thân cò và sự dữ dội khốc liệt của thiên nhiên.  + Bể kia đầy >< ao kia cạn thái cực của tạo hóa đầy – vơi. Bể kia đã rộng lại còn đầy, còn chiếc ao kia nơi cò kiếm ăn hằng ngày đã bé lại còn cạn.  - Câu hỏi tu từ (hai câu cuối) là lời than thở của thân cò – lời than, lời hỏi không có lời giải đáp.  \* Nội dung than thân phản kháng:  - Than thân: Người nông đã dùng hình ảnh thân cò để nói lên sự đắng cay, cơ cực, vất vả, gian truân của cuộc đời mình.  - Phản kháng: Câu hỏi tu từ ở cuối bài ca dao còn thể hiện thái độ bất bình phản kháng đối với kẻ đã làm cho người nông dân phải lận đận, lên thác, xuống ghềnh. Ai ở đây chính là giai cấp phong kiến, thống trị lúc bấy giờ  **Câu 2:**  - Nội dung bài 2 là lời của người lao động tỏ sự đồng cảm đối với những người cùng khổ. 'Thương thay” là tiếng than biểu hiện sự thương cảm, xót xa.  Từ “thương thay” được lặp lại bốn lần mang nhiều sắc thái ý nghĩa:  - Mỗi lần lặp lại là một nỗi xót thương đối với những người lao động nghèo khổ, đó cũng là lời than vãn cho thân phận mình. Mỗi lần lặp lại “thương thay” dường như nỗi xót thương ấy thêm thấm sâu tận tấm lòng.  - Sự lặp lại từ này nhiều lần còn bao hàm ý nghĩa rộng hơn: Nỗi xót cho tất cả những người dân thấp cổ bé họng phải chịu nhiều oan ức.  **Câu 3:**  - Nhận xét chung: Hình ảnh nhưng con vật nhỏ bé, bèo bọt: "con tằm", "lũ kiến", "chim hạc", "con cuốc" dùng để ẩn dụ về cuộc đời cơ cực, nhọc nhằn của người lao động.  - Hình ảnh cụ thể.  + "Con tằm": Tằm ăn lá dâu, rồi từ ruột nó, người ra lấy ra những sợi tơ vàng làm nên những tấm vải rất đẹp, rất quý, tơ bị rút hết thì mạng sống của tằm cũng chấm dứt  ⟹ Hình ảnh con tằm là ẩn dụ về người lao động bị giai cấp thống trị bóc lột, bòn sút sức lao động cạn kiệt đến tận gan ruột, đến chết để làm giàu cho chúng.  + "Lũ kiến": - hàm nghĩa chỉ số đông – "li ti" rất bé nhỏ, thường bị coi thường, chẳng đáng gì. Bé thế ăn chẳng là bao, thế mà suốt ngày đi kiếm ăn  ⟹ Đó là hình ảnh ẩn dụ về những người lao động thấp cổ bé họng trong xã hội cũ suốt đời suốt kiếp nai lưng quần quật làm việc vất vả ngược xuôi mà vẫn không đủ sống, vẫn cứ đói nghèo.  + "Chim hạc" cánh chim bay mỏi không có nơi đứng.  ⟹ Hình ảnh ẩn dụ nói về cuộc đời phiêu bạt và những cố gắng vô vọng của người lao động trong xã hội cũ. |

***4. Củng cố:*** Cảm nghĩ chung của em về những bài ca dao trên?

Ngày giảng: ngày 19 tháng 9 năm 2020

**TUẦN 7**

**Tiết 13:** **ĐẠI TỪ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Giúp học sinh

+ Thế nào là đại từ (bản chất khái niệm) và các loại đại từ Tiếng Việt.

+ Tích hợp với các văn bản và bài TLV có kiến thức liên quan.

**2. Kĩ năng**:

- Cách sử dụng chính xác và linh hoạt các đại từ trong nói và viết.

**3. Thái độ**: Yêu quí và trân trọng sự trong sáng của TV.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Thế nào là đại từ?  **Câu 2:** Hãy phân loai đại từ?  **Hoạt động 2**: **Luyện tập**  **Câu 1**: Em hãy lấy ví dụ và so sánh về đại từ xưng hô trong tiếng Anh và tiếng Việt, hoặc tiếng Việt và một số ngôn ngữ khác  **Câu 2:**Xác định chức năng ngữ pháp của đại từ tôi trong từng câu dưới đây :  a) Tôi đang học bài thì Nam đến.  b) Người được nhà trường biểu dương là tôi.  c) Cả nhà rất yêu quý tôi.  d) Anh chị tôi đều học giỏi.  e) Trong tôi, một cảm xúc khó tả bỗng trào dâng.  **Câu 3**:Tìm đại từ trong đoạn hội thoại sau, nói rõ thay thế cho từ ngữ nào :  Trong giờ ra chơi , Nam hỏi Bắc:  - Bắc ơi, hôm qua bạn được mấy điểm môn Tiếng Anh ? (câu 1)  - Tớ được điểm 10, còn cậu được mấy điểm ?- Bắc nói. (câu 2)  - Tớ cũng thế (câu 3) | - Hs trình bày khái niệm  - Hs trình bày  - Hs thực hiện bài tập  - Hs xác định  - Hs tìm đại từ | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  - Đại từ là các từ ngữ được dùng để xưng hô hay dùng để thay thế các danh từ, động từ, tính từ hoặc cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ trong câu, với mục đích tránh lặp lại các từ ngữ nhiều lần.  **Câu 2:**  – Đại từ nhân xưng (dùng để xưng hô), dùng chỉ ngôi, đại diện hay thay thế cho danh từ. Gồm có 3 ngôi:  + Trong ngôi thứ nhất (chỉ người nói): tôi, ta, tớ, chúng tôi, chúng ta,…  + Trong ngôi thứ hai (chỉ người nghe): cậu, các cậu, …  + Trong ngôi thứ ba (chỉ người không có trong giao tiếp nhưng được nhắc đến trong giao tiếp): họ, hắn, bọn nó, chúng nó,…  **II. Luyện tập**  **Câu 1** :  - Đại từ trong tiếng Việt và tiếng Anh khác nhau.  - Trong tiếng Anh đại từ nhân xưng biểu thị một phạm trù ngữ pháp của ngôi mà hệ thống từ này trong tiếng Anh, tạo các hình thái I, you, he, she, it, they và các biến thể như me, mine, yours, him…  - Ngược lại, tiếng Việt đa dạng về đại từ nhân xưng, đại từ nhân xưng trong tiếng Việt còn thể hiện cảm xúc, thái độ, vai vế của người nói với người nghe  - Các đại từ: anh, tôi, cháu, bác, ông, bà…  **Câu 2:**  a) Chủ ngữ.  b) Vị ngữ.  c) Bổ ngữ.  d) Định ngữ.  e) Trạng ngữ  **Câu 3**  - Câu 1: từ bạn thay thế cho từ Bắc.  - Câu 2: tớ thay thế cho Bắc ,cậu thay thế cho Nam.  - Câu 3 : tớ thay thế cho Nam, thế thay thế cụm từ được điể |

***4. Củng cố:***Có mấy loại đại từ? Lấy ví dụ nhanh cho từng loại?

Ngày giảng: ngày 19 tháng 10 năm 2020

**TUẦN 7**

**Tiết 14:**

**SÔNG NÚI NƯỚC NAM**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Cảm nhận được tinh thần độc lập khí phách hào hùng, khát vọng lớn lao của dân tộc trong bài thơ.

- Bước đầu hiểu đặc điểm thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.

**2. Kĩ năng** : Đọc, tìm hiểu các thể thơ Đường luật.

**3. Thái độ**: Bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc, ý thức học tập tốt để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I: Lý thuyết**  - Trình bày những hiểu biết của em về tác giả, tác phẩm ?  **Hoạt động II: Luyện tập**  **Câu 1:** Chia bố cục bài thơ nêu nội dung từng ?  **Câu 2:** Từ đó, lời thơ Nam đế cư có ý xác định nơi ở của vua nước Nam; hay nơi thuộc chủ quyền của nước Việt Nam?  **Câu 3:** Câu thơ thứ hai khẳng định rõ điều gì?  **Câu 4:** Nội dung câu thơ thứ 3?Câu hỏi nhưng có phải để hỏi k? Mục đích?  **Câu 5:** Thái độ của người viết thể hiện như thế nào ở hai câu cuối? | - Hs trình bày  - Hs chia bố cục  - Hs xác định  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs trả lời  - Hs phân tích | **I. Lý thuyết**  - Tác giả: Chưa rõ.  - Tác phẩm:  + Sáng tác trong cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ 2 (1077), đọc ở miếu thần trên phòng tuyến Như Nguyệt ( nam sông Cầu).  + Động viên tinh thần tướng sĩ và làm quân địch hoang mang, khiếp sợ.  + Được coi là bản tuyên ngôn độc lập lần thứ nhất của dân tộc ta.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Hai câu đầu: Nước Nam là của ngưòi Nam.Điều đó đã được sách trời định sẵn, rõ ràng.  - Hai câu cuối: Kẻ thù không được xâm phạm, nếu xâm phạm sẽ chuốc lấy bại vong.  **Câu 2:**  Nam đế cư: Nơi ở của vua nước Nam, xử lí mọi công việc của nước Nam là vua nước Nam. Nơi thuộc chủ quyền của người Việt vì vua gắn với nước.  **Câu 3:**  - Khẳng định nước Nam là một nước có độc lập, có chủ quyền, có lãnh thổ riêng. Đó là một sự thật hiển nhiên, không thể thay đổi.  **Câu 4:**  - Là câu hỏi, hướng về bọn giặc ngông cuồng.  - Là lời cảnh báo về hành động xâm lược liều lĩnh, phi nghĩa, vô đạo lý của phong kiến phương Bắc.  **Câu 5:**  Hai câu cuối là lời cảnh báo đanh thép, kiên quyết thể hiện ý chí quyết chiến, quyết thắng để giữ vừng nền độc lập, tự do của Tổ quốc - Khẳng định vững chắc chủ quyền độc lập và bình đẳng của dân tộc ta  - Khẳng định quyết tâm sắt đá: sẽ đập tan mọi âm mưu, hành động liều lĩnh của bất kì kẻ xâm lược ngông cuồng nào, cho dù chúng tàn bạo, nham hiểm và mạnh đến đâu. |

***4. Củng cố:*** Ngoài bài Nam quốc sơn hà, em còn biết những văn bản nào khác được coi là tuyên ngôn độc lập của nước ta? Hãy kể tên?

Ngày giảng: ngày 26 tháng 10 năm 2020

**TUẦN 8**

**Tiết 15,16:** **TỪ HÁN VIỆT**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:** Giúp học sinh

- Hiểu được thế nào là từ Hán Việt, yếu tố Hán Việt

- Các loại từ ghép Hán Việt

**2. Kĩ năng**:

- Nhận biết từ Hán Việt, các loại từ ghép Hán Việt

- Mở rộng vốn từ Hán Việt

**3. Thái độ**: Có ý thức sử dụng từ Hán Việt hợp lý trong giao tiếp, giữ gìn, phát huy sự giàu đẹp của Tiếng Việt

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài họ***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Thế nào là từ Hán Việt?  **Hoạt động 2**: **Luyện tập**  **Câu 1**:  - Tìm nghĩa của từ “đồng” trong nhóm từ sau: đồng nghiệp, đồng môn, đồng hương, đồng niên  - Tìm nghĩa của từ “mĩ” trong nhóm từ sau: hoa mĩ, mĩ lệ, mĩ thuật, hoàn mĩ  - Tìm nghĩa của từ “thi” trong nhóm từ: thi gia, thi nhân, đường thi, cổ thi  **Câu 2:**Xếp các từ sau: cao nhân, chiến thắng, thi gia, phát thanh, bí mật, gia tài, đồng đẳng, tân binh, thư sinh và nhóm thích hợp  - Từ có yếu tố chính đứng trước, yếu tố phụ đứng sau  - Từ có yếu tố phụ đứng trước, yếu tố chính đứng sau  **Câu 3:** Tìm và giải thích nghĩa của các từ Hán Việt có trong đoạn trích dưới đây, và xác định sắc thái nghĩa của chúng.  Thái bình tu trí lực  Vạn cổ thử giang san  **Câu 4**: Tìm từ ghép có chứa yếu tố Hán Việt: quốc, sơn, cư, bại?  **Câu 5:** Xếp các từ Hán Việt vào các nhóm thích hơp? | - Hs trình bày  - Hs tìm  - Hs xếp vào nhóm thích hợp  - Hs tìm và giải thích từ Hán Việt  - Hs tìm từ ghép  - Hs xếp các từ Hán Việt | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  - Trong tiếng Việt có số lượng lớn các từ Hán Việt. Tiếng cấu tạo từ Hán Việt gọi là yếu tố Hán Việt.  + Phần lớn các yếu tố Hán Việt được kết hợp tạo thành từ ghép, cũng có một số trường hợp được dùng độc lập như một từ.  - Cũng như từ ghép thuần Việt, từ ghép Hán Việt có hai loại chính: từ ghép đẳng lập và chính phụ  Trật tự của các yếu tố trong từ ghép chính phụ Hán Việt:  + Có trường hợp giống với trật tự từ ghép thuần Việt: yếu tố chính đứng trước, yếu tố phụ đứng sau  + Có trường hợp khác với trật tự từ ghép thuần Việt: yếu tố phụ đứng trước, yếu tố chính đứng sau  - Từ Hán Việt mang sắc thái:  + Trang trọng, thể hiện thái độ tôn kính  + Tao nhã, tránh gây cảm giác thô tục, ghê sợ  + Cổ kính, phù hợp với xã hội xưa  - Khi nói hoặc viết, không nên lạm dụng từ Hán Việt, làm cho lời ăn tiếng nói thiếu tự nhiên, thiếu trong sáng, không phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp  **II. Luyện tập**  **Câu 1** :  - Từ “đồng” mang nghĩa cùng  - Từ “mĩ” mang nghĩa đẹp  - Từ “thi” mang nghĩa thơ  **Câu 2:**  - Các từ Hán Việt có yếu tố chính đứng trước, yếu tố phụ đứng sau: thi gia, gia tài, đồng đẳng, tân binh, thư sinh  - Các từ Hán Việt có yếu tố chính đứng sau: cao nhân, chiến thắng, phát thanh, bí mật  **Câu 3:**  - Nghĩa từ thái bình: (đất nước, đời sống) yên ổn, êm ấm, không có loạn lạc, chiến tranh.  - Nghĩa từ trí lực: năng lực về trí tuệ  - Nghĩa từ giang san: chỉ đất nước, quốc gia, dân tộc  - Các từ Hán Việt ở trên đều có nghĩa trang trọng, với ý nghĩa tích cực.  **Câu 4**   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố Hán Việt** | **Từ ghép**  **Hán Việt** | | Quốc | Quốc gia, cường quốc, quốc kì, quốc vượng, quốc tế… | | Sơn | Giang sơn, sơn hà, sơn nam, thanh sơn, hồng sơn,.. | | Cư | Cư trú, dân cư, di cư, tản cư, định cư, ngụ cư… | | Bại | Thất bại, chiến bại, đại bại, thảm bại… |   **Câu 5:**   |  |  | | --- | --- | | **Thứ tự** | **Từ ghép Hán Việt** | | Chình trước, phụ sau | Hữu ích, phát thanh, bảo mật, phóng hỏa | | Phụ trước, chính sau | Thi nhân, đại thắng, tân binh, hậu đài | |

***4. Củng cố:***Từ ghép Hán Việt có mấy loại chính?

Ngày giảng: ngày 2 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 9**

**Tiết 17:**

**BÁNH TRÔI NƯỚC**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**: HS cảm nhận và hiểu được:

- Trong văn bản “ Bánh trôi nước” :

- Vẻ đẹp, bản lĩnh sắt son, thân phận chìm nổi của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

- Lên án tư tưởng “trọng nam khinh nữ

**2. Kĩ năng** : Đọc hiểu, cảm nhận, phân tích thơ trung đại.

**3. Thái độ**:

- Cảm thông với nổi khổ của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

- Tinh thần yêu chuộng hoà bình.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I: Lý thuyết**  - Nêu vài nét tiêu biểu về tác giả Hồ Xuân Hương?  **Hoạt động II: Luyện tập**  **Câu 1:** Hình ảnh bánh trôi nước gợi cho em liên tưởng đến hình ảnh nào trong xã hội xưa?  **Câu 2:** Bài thơ miêu tả về chiếc bánh trôi ntn? Chi tiết được chọn ntn?Cách miêu tả và giới thiệu có theo trình tự nào không?  **Câu 3:** Ở lớp nghĩa thứ hai, hình ảnh bánh trôi nước đã bộc lộ được điều gì và bộc lộ như thế nào?  **Câu 4:** Em hiểu ntn về cụm từ tay kẻ nặn ở câu 3?  **Câu 5:** Bài thơ có giá trị nội dung và nghệ thuật như thế nào? | - Hs nêu vài nét tiêu biểu  - Hs liên tưởng trả lời  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs phân tích  - hs nêu giá trị bài thơ | **I. Lý thuyết**  - Hồ Xuân Hương (lai lịch chưa thật rõ)  - Từng sống ở phường Khán Xuân - Hồ Tây - HN  - Được mệnh danh: Bà Chúa Thơ Nôm  - Thơ bà có giọng điệu táo bạo, sắc sảo và có giá trị nhân đạo sâu sắc.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Bài thơ có 2 lớp nghĩa:  + Nghĩa 1: nghĩa đen: nói về bánh trôi nước  + Nghĩa 2: nghĩa bóng: thân phận, phẩm chất của người phụ nữ.  **Câu 2:**  - Hình ảnh cái bánh trôi: hình thức và cách làm bánh:  - Bánh có màu trắng của bột hình tròn.  - Cách nặn bánh (rắn, nát)  - Cách luộc bánh (bảy nổi ba chìm)  - Nhân bánh (màu đỏ)  => Chi tiết chọn lọc, hình ảnh cái bánh trôi hiện lên khá cụ thể như ở ngoài đời.  => Nhưng trình tự không hợp lí: tả bánh => luộc bánh => nặn bánh => nhân bánh: Không chỉ đơn thuần là cung cấp những thông tin về cái bánh trôi mà còn gợi lên sự liên tưởng về phẩm chất, thân phận  **Câu 3:**  - Phẩm chất, thân phận người phụ nữ.  + Hình thức: Vừa trắng lại vừa tròn: Điệp từ vừa -> Xinh đẹp, thân hình đầy đặn, trắng trẻo, căng tràn nhựa sống. -> Tự giới thiệu nhan sắc một cách mạnh bạo, tự tin, đầy tự hào, kiêu hãnh.  + Thân phận: Bảy nổi ba chìm: (thành ngữ được đảo ngược): Chìm nổi, bấp bênh giữa dòng đời, bị xã hội định đoạt số phận.  **Câu 4:**  - Tay kẻ nặn: chế độ nam quyền, xã hội PK.  -> Phản ánh thân phận của người phụ nữ không được làm chủ cuộc đời mình, may rủi phụ thuộc vào người khác, do người khác quyết định.  **Câu 5:**  - Nghĩa bóng là chính. Nghĩa đen chỉ là phương tiện truyền tải, biểu đạt nghĩa bóng của bài thơ có giá trị tư tưởng lớn |

***4. Củng cố:*** Cảm nghĩ của em sau khi học xong 2 văn bản thơ?

Ngày giảng: ngày 2 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 9**

**Tiết 18:** **QUAN HỆ TỪ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:** Giúp học sinh

- Nắm được khái niệm quan hệ từ; ý nghĩa tác dụng của quan hệ từ.

**2. Kĩ năng**:

- Nhận diện, sử dụng quan hệ từ trong khi nói và viết

**3. Thái độ**: Ý thức ham học hỏi, ý thức giữ gìn sự trong sáng trong Tiếng Việt

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài họ***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Thế nào là quan hệ từ?  **Câu 2:** Sử dụng quan hệ từ  **Hoạt động 2**: **Luyện tập**  **Câu 1**: Đặt câu hỏi với các quan hệ từ:  - Nếu …..thì…  - Vì …nên….  - Tuy… nhưng…  - Hễ …. thì…  - Sở dĩ … là vì…  **Câu 2:**Bài 1 (trang 98 sgk ngữ văn 7 tập 1)  **Câu 3:** Viết một đoạn văn ngắn có sử dụng quan hệ từ. Gạch chân dưới quan hệ từ trong đoạn văn đó? | - Hs trình bày  - Hs trình bày  - Hs tìm các quan hệ từ  - Hs viết đoạn văn | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  Quan hệ từ là những từ dùng để biểu thị các ý nghĩa quan hệ như sở hữu, so sánh, nhân quả,… giữa các bộ phận của các câu hay giữa câu với câu trong đoạn văn  **Câu 2**  - Có trường hợp bắt buộc phải dùng quan hệ từ. Đó là những trường hợp nếu không có quan hệ từ thì câu văn sẽ đổi nghĩa hoặc không rõ nghĩa  **II. Luyện tập**  **Câu 1** :  - Nếu trời mưa thì chúng ta không đi du lịch.  - Vì lười học nên anh phải lưu ban.  - Tuy nhà xa nhưng Nam luôn đi học đúng giờ.  - Hễ gió thổ mạnh thì diều bay cao  - Sở dĩ nó trượt vì nó chủ quan  **Câu 2:**  Các quan hệ từ trong bài Cổng trường mở ra: vào, của, với, như, trên, như, mà, và, nhưng, của, trong, cho  **Câu 3:**Gợi ý:  - Nội dung: Miêu tả cảnh làng quê khi chiều về.  “Khi bóng chiều đổ xuống cũng là lúc những chú bé mục đồng dẫn trâu trở về làng. Từng đàn trâu nối nhau bước đi trên con đê xanh mướt cỏ. Tiếng sáo du dương bay khắp không gian. Phía xa xa, trên bầu trời, đàn cò trắng bay về tổ sau một ngày kiếm ăn vất vả. Cảnh vật làng quê nhuốm màu hoàng hôn trông thật mờ ảo và đẹp tựa như một bức tranh của một họa sĩ nổi tiếng nào đó”  - Các quan hệ từ: khi, và, như, của |

***4. Củng cố:***Ý nghĩa của các quan hệ từ?

Ngày giảng: ngày 9 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 10**

**Tiết 19:**

**QUA ĐÈO NGANG**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Hình dung được cảnh tượng Đèo Ngang và tâm trạng cô đơn của Bà Huyện Thanh Quan.

- Nghệ thuật đặc sắc của bài thơ.

- Đặc điểm tiêu biểu của thể thơ Thất ngôn bát cú Đường luật

**2. Kĩ năng** : - Đọc, cảm nhận, tìm hiểu về thể thơ thất ngôn bát cú đường luật

**3. Thái độ**:

- Yêu cảnh thiên nhiên đẹp.

- Yêu quý và trân trọng những tấm lòng yêu nước

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I: Lý thuyết**  - Nêu những hiểu biết của em về Bà Huyện Thanh Quan và tác phẩm?  **Hoạt động II: Luyện tập**  **Câu 1:** Cảnh tượng Đèo Ngang được miêu tả trong thời gian, thời điểm nào trong ngày? Thời gian đó gợi lên nỗi niềm gì?  **Câu 2:** Nếu ta đảo 2 câu thơ thành: Vài chú tiều lom khom dưới núi/ Mấy nhà chợ lác đác bên sông thì ý nghĩa thay đổi như thế nào?  **Câu 3:** Em nhận xét gì giữa 2 từ đầu và cuối 2 câu thơ?  **Câu 4:** Ở hai câu cuối tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật đó trong việc diễn tả tâm trạng của nhà thơ? | - Hs nêu vài nét tiêu biểu  - Hs trả lời  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs phân tích  - Hs nêu tác dụng của các biện pháp | **I. Lý thuyết**  a. Tác giả:  - Bà Huyện Thanh Quan: Tên thật là Nguyễn Thị Hinh sống vào đầu thế kỉ XIX.  Quê : Nghi Tàm – Tây Hồ – Hà Nội  - Là một trong ba nhà thơ nữ nổi tiếng nhất ở thế kỉ XVIII – XIX.  \* Tác phẩm: Qua Đèo Ngang  - Là một trong số bài thơ còn sót lại của bà.  - Có thể được viết khi bà trên đường vào kinh thành Huế nhận chức.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Hai câu đề:  " Bước tới... chen hoa"  - Không gian: cảnh Đèo Ngang.  - Thời gian nghệ thuật: lúc xế tà (đã về chiều) => gợi buồn, nhớ làm tăng thêm nỗi cô đơn trong lòng tác giả trên đường lữ thứ tha hương.  - Cảnh vật:cỏ cây, lá, đá, hoa  => Động từ “ chen’’ điệp 2 lần gợi sức sống cỏ cây ở một nơi hoang dã, vô trật tự, hoang vu  **Câu 2:**  - "Lom khom dưới núi tiều vài chú  Lác đác bên sông chợ mấy nhà"  - Nghệ thuật đối, đảo ngữ, lặp cú pháp  => Nhấn mạnh tính chất đặc điểm của con người và cảnh vật.  - Sử dụng các từ láy: Lom khom, lác đác tạo ấn tượng người trong cảnh, cảnh trong cảnh thêm nổi bật: Sự mờ xa, hun hút, thưa thớt  tăng sự mênh mông, lặng lẽ, hoang vắng của cảnh vật -> cảm giác buồn như thấm sâu vào lòng người xa xứ.  - Cảm xúc buồn, thiếu sức sống trước cảnh hoang vắng, heo hút, buồn hoang sơ nơi con đèo xa xôi lúc chiều tà..  => Nhưng trình tự không hợp lí: tả bánh => luộc bánh => nặn bánh => nhân bánh: Không chỉ đơn thuần là cung cấp những thông tin về cái bánh trôi mà còn gợi lên sự liên tưởng về phẩm chất, thân phận  **Câu 3:**  - Nhớ nước đau lòng con quốc quốc  Thương nhà mỏi miệng cái gia gia  Nghệ thuật đối, đảo ngữ, lấy động tả tĩnh, đồng âm, ẩn dụ tượng trrưng.  -> Nhấn mạnh tâm trạng của tác giả:  + Tiếng chim quốc –> nhớ nước  + Tiếng chim đa –> nhớ nhà  ( Quốc= nước / Nhớ nước  Gia = nhà / Thương nhà)  **Câu 4:**  - Biện pháp đối ý: Trời, non, nước (thiên nhiên rợn ngợp, mênh mông, lớn lao) >< một mảnh tình riêng (thế giới nội tâm của cá nhân nhân vật trữ tình: buồn, cô đơn).  => Cực tả nỗi buồn, cô đơn, xa vắng của người lữ khách đứng trên đỉnh đèo.  + Cụm từ “ta với ta”: tuy 2 mà 1, chỉ để nói một người, một nỗi buồn, một nỗi cô đơn không ai sẻ chia.  => Hình ảnh một người phụ nữ nhỏ bé, cô đơn giữa đất trời bao la.  Hai câu cuối cực tả tâm trạng cô đơn, buồn đau, nhớ tiếc quá khứ, nỗi thương nước nhớ nhà của cá nhân tác giả. |

***4. Củng cố:*** Cảm nghĩ sau khi học xong bài thơ này?

Ngày giảng: ngày 9 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 10**

**Tiết 20:**

**BẠN ĐẾN CHƠI NHÀ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Cảm nhận được tình cảm bạn bè đậm đàm, thắm thiết, hồn nhiên của Nguyễn Khuyến. và bức tranh quê đậm đà hương sắc VN.

- Nét đặc sắc nghệ thuật trong bài thơ.

**2. Kĩ năng** : Đọc diễn cảm và phân tích bài thơ “Thất ngôn bát cú”

**3. Thái độ**:

- Quý mến bạn bè, động viên, giúp đỡ, chia ngọt sẻ bùi với bạn bè thân thiết

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I: Lý thuyết**  - Em biết gì về tác giả Nguyễn Khuyến và tác phẩm Bạn đến chơi nhà?  **Hoạt động II: Luyện tập**  **Câu 1:** Câu thơ mở đầu nói về việc gì? Em có nhận xét gì về giọng điệu câu này?  **Câu 2:** Thực tế Nguyễn Khuyến đã tiếp bạn trong hoàn cảnh nào?  **Câu 3:** Qua hình ảnh và giọng điệu thơ như vậy tác giả đã nói lên điều gì?  **Câu 4:** Thông qua câu cuối và 6 câu trên em có nhận xét gì về tình bạn của Nguyễn Khuyến? | - Hs nêu vài nét tiêu biểu  - Hs trả lời  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs phân tích  - Hs nhận xét | **I. Lý thuyết**  *a. Tác giả:*  + Nguyễn Khuyến (1835- 1909), quê: Thôn Vị Hạ - xã Yên Đổ (nay thuộc Trung Lương – Bình Lục- Hà Nam)  + Ông đỗ cả ba kỳ thi: Thi Hương, thi Hội, thi Đình => Tam nguyên Yên Đổ  + Ông là nhà thơ lớn của dân tộc.  + Phong cách thơ: nhẹ nhàng, thâm thuý và sâu sắc.  + Đề tài trong thơ: Thiên nhiên  *b. Tác phẩm:*  - Bài thơ là một trong những bài thơ tiểu biểu cho đề tài viết về tình bạn của nhà thơ Ng Khuyến.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  " Đã bấy lâu nay, bác tới nhà"  - Lời chào bạn về cuộc đến chơi của bạn.  - Giọng thơ: hồ hởi, phấn chấn, giọng như một tiếng reo vui của tác giả.  - Cách gọi: “bác” thể hiện sự kính trọng và tình cảm thân thiết giữa 2 người.  => Đó là tình bạn thân thiết, quý mến nhưng lại ít được gặp nhau.  **Câu 2:**  Hoàn cảnh tiếp bạn:  - Trẻ đi vắng => không có người để sai hầu hạ, tiếp khách.  - Chợ : xa  - Cá : ao sâu, nhiều nước  - Gà: vườn rộng, rào thưa  - Có cải, bầu, mướp, nụ: chưa đến độ ăn được.  - Miếng trầu không có  **Câu 3:**  - Tác giả sử dụng cách nói có phần phóng đại cho thấy sự “không may” nói cho vui thể hiện sự quý mến bạn, tạo nụ cười hóm hỉnh, thân mật.  => Nguyễn Khuyến muốn tiếp đãi bạn chu đáo nhưng lại không có gì để tiếp. - Qua đó cũng thể hiện:  + Sự thanh bần, đạm bạc của Nguyễn Khuyến  + Sự hóm hỉnh hài hước, yêu đời của tác giả.  + Nguyễn Khuyến yêu bạn bằng tình bạn dân dã, chất phác; ông coi trọng tình nghĩa hơn vật chất, tin vào sự cao cả của tình bạn.  =>K/Đ: Đó là một tình bạn sâu sắc, trong sáng  **Câu 4:**  Khẳng định: Tình bạn cao cả hơn vật chất, vật chất không đầy đủ, thậm chí không có gì thì bạn bè vẫn yêu mến, vẫn vui vẻ khi gặp gỡ. |

***4. Củng cố:*** - Cảm nghĩ của em sau khi học xong bài thơ này?

Ngày giảng: ngày 16 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 11**

**Tiết 21:** **CHỮA LỖI QUAN HỆ TỪ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:** Giúp học sinh

- Nắm được khái niệm quan hệ từ; ý nghĩa tác dụng của quan hệ từ.

- Củng cố khái niệm về quan hệ từ.

- Thấy rõ các lỗi thường gặp về quan hệ từ.

**2. Kĩ năng**:

Sử dụng quan hệ từ trong khi nói và viết .

**3. Thái độ**: Ý thức học tập thường xuyên sử dụng đúng ngôn ngữ Tiếng Việt

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài họ***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Các lỗi thường gặp về quan hệ từ?  **Hoạt động 2**: **Luyện tập**  **Câu 1:** (Bài tập 2 trang 107 SGK Ngữ Văn 7 Tập 1 - trang 85 VBT Ngữ Văn 7 Tập 1):  **Câu 2** (Bài tập 3 trang 108 SGK Ngữ Văn 7 Tập 1 - trang 85 VBT Ngữ Văn 7 Tập 1):  **Câu 3:** (Bài tập 4 trang 108 SGK Ngữ Văn 7 Tập 1 - trang 85 VBT Ngữ Văn 7 Tập 1) | - Hs trình bày  - Hs thực hiện bài tập  - Hs chữa lỗi  - Hs làm bài tập | **I. Lý thuyết**  Trong việc sử dụng quan hệ từ cần tránh lỗi sau:  - Thiếu quan hệ từ  - Dùng quan hệ từ không thích hợp về nghĩa  - Thừa quan hệ từ  - Dùng quan hệ từ mà không có tác dụng liên kết.  **II. Luyện tập**  **Câu 1** :  a. Thay với bằng giống với.  b. Thay tuy bằng dù.  c. Thay bằng bằng bởi.  **Câu 2:**  Chữa lại:  - Bản thân em còn nhiều thiếu sót, em hứ  - Câu tục ngữ "Lá lành đùm lá rách" cho em hiểu đạo lí làm người là phải giúp đỡ người khác.  - Bài thơ này đã nói lên tình cảm của Bác Hồ đối với thiếu nhi.  Câu 3:  - Quan hệ từ được dùng đúng ở các câu: a, b, d, h.  - Quan hệ từ dùng sai ở các câu: c, e, g, i. |

***4. Củng cố:***Nêu cách sửa lỗi?

Ngày giảng: ngày 16 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 11**

**Tiết 22:** **TỪ ĐỒNG NGHĨA**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:** Giúp học sinh

- Hiểu được thế nào là từ đồng nghĩa.

- Phân biệt từ đồng nghĩa hoàn toàn và từ đồng nghĩa không hoàn toàn.

**2. Kĩ năng**:Nhận biết, sử dụng từ đồng nghĩa trong khi nói và viết

**3. Thái độ**: Ý thức sử dụng từ đồng nghĩa phù hợp với hoàn cảnh.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài họ***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Nêu hiểu biết của em về từ đồng nghĩa?  **Hoạt động 2**: **Luyện tập**  **Câu 1**: Tìm các từ Hán Việt đồng nghĩa với các từ sau: Nhà thơ, loài người, người xem, người nghe, cùng năm, cùng quê, nước ngoài.  **Câu 2:** Chữa lỗi dùng từ sai trong các ví dụ sau:  - Triển lãm có trình bày nhiều tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng của các họa sĩ nổi tiếng.  - Trong xã hội hiện nay có nhiều người sống ích kỉ, không biết giúp đỡ, bao che cho những người yếu thế.  **Câu 3**: Phân biệt sắc thái nghĩa của các từ sau:  - Chết, toi, từ trần  - Ăn, chén, xơi  - Vợ, phu nhân | - Hs trình bày  - Hs tìm các từ Hán Việt đồng nghĩa  - Hs tìm  - Hs phân biệt | **I. Lý thuyết**  **-** Từ đồng nghĩa: những từ giống nhau hoặc gần giống nhau. Một từ nhiều nghĩa có thể thuộc vào nhiều nhóm từ đồng nghĩa khác nhau.  - Các từ đồng nghĩa không thể thay thế cho nhau trong mọi trường hợp, khi nói và viết cần chọn các từ đồng nghĩa thể hiện đúng thực tế khách quan, sắc thái biểu cảm.  - Phân loại: đồng nghĩa hoàn toàn và đồng nghĩa không hoàn toàn  **II. Luyện tập**  **Câu 1** :     |  |  | | --- | --- | | **Từ thuần Việt** | **Từ Hán Việt** | | Nhà thơ | Thi nhân | | Loài người | Nhân loại | | Người xem | Khán giả | | Người nghe | Thính giả | | Cùng năm | Đồng niên | | Cùng quê | Đồng Hương | | Nước ngoài | Ngoại quốc |   **Câu 2:**  - Từ dùng sai từ trình bày, thay bằng từ “trưng bày”  - Từ dùng sai từ bao che, thay bằng từ “bao bọc”  **Câu 3:**  - Chết: sắc thái nghĩa trung tính  + Toi: sắc thái nghĩa suồng sã  + Từ trần: sắc thái nghĩa trang trọng  - Ăn: sắc thái nghĩa trung tính  + Chén: sắc thái nghĩa suồng sã  + Xơi: sắc thái nghĩa trang trọng  - Vợ: sắc thái nghĩa trung tính  + Phu nhân: sắc thái nghĩa trang trọng |

***4. Củng cố:***Phân biệt từ đồng nghĩa hoàn toàn và từ đồng nghĩa không hoàn toàn?

Ngày giảng: ngày 23 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 12**

**Tiết 23:**

**CẢM NGHĨ TRONG ĐÊM THANH TỊNH**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Tình cảm quê hương sâu nặng của nhà thơ.

- Một số đặc điểm nghệ thuật nổi bật của bài thơ.

- Bước đầu thấy được bố cục thường gặp trong một bài thơ tuyệt cú.

**2. Kĩ năng** :

- Luyện khả năng đọc, phân tích thơ ngũ ngôn tứ tuyệt

- Bước đầu so sánh phần âm chữ Hán với bản dịch thơ

**3. Thái độ**:

-Ý thức ham học hỏi,Tình yêu quý gắn bó với quê hương, có ý thức bảo vệ và xây dựng Tổ quốc.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I: Lý thuyết**  - Em biết gì về tác giả?  **Hoạt động II: Luyện tập**  **Câu 1:** Hình ảnh ánh trăng trong đêm thanh tĩnh được hiện lên như thế nào?  **Câu 2:** Nỗi nhớ quê hương của tác giả được hiện lên qua chi tiết hình ảnh nao?  **Câu 3:** Dựa vào bốn động từ nghi (ngỡ là), cử (ngẩng), đê (cúi) và tư (nhớ) để chỉ ra sự thống nhất, liền mạch của suy tư, cảm xúc trong bài thơ? | - Hs nêu vài nét tiêu biểu  - Hs phân tích  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs phân tích | **I. Lý thuyết**  - Lý Bạch (701 - 762) là nhà thơ nổi tiếng của Trung Quốc vào thời nhà Đường. Tự là Thái Bạch, hiệu Thanh Liên cư sĩ.  - Thơ ông thường thể hiện một tâm hồn tự do, hào phóng. Hình ảnh trong thơ thường mang tính chất tươi sáng, kì vĩ, ngôn ngữ tự nhiên mà điêu luyện.  - Đề tài: thường viết nhiều và viết hay về chiến tranh, thiên nhiên, tình yêu và tình bạn.  - Lý Bạch sáng tác bài thơ trên khi ông đang ở rất xa quê hương của mình.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  Hình ảnh ánh trăng được miêu tả qua:  - Các từ “minh ”, “quang”, “sương”: Ánh trăng trong đêm rất sáng và mở ảo, chiếu xuống mà nhìn là dưới mặt đất đất đang phủ một làn sương mờ ảo.  - Từ “sàng” (giường): Giúp người đọc nhận biết được vị trí ngắm trăng của nhà thơ. Ánh trăng xuyên qua khe cửa, chiếu xuống đầu giường chứng tỏ trăng đêm rất sáng và trời cũng đã khuya rồi. Nhưng lúc này, nhà thơ vẫn còn thức để ngắm trăng - chứng tỏ tâm trạng thao thức, băn khoăn của nhà thơ.  - Từ “nghi” và từ “sương” cùng xuất hiện bổ xung ý nghĩa cho nhau:  “nghi” nghĩa là tưởng như, ngờ như, dường như  “sương”: chỉ màn sương đêm trắng mịt mờ, khiến cảnh vật mờ ảo.  => Ánh trăng chiếu xuống vạn vật trong đêm tối mờ ảo khiến cho nhà thơ không phân biệt được đâu là trăng đâu là màn sương đêm.  - Tâm trạng của nhà thơ:  Đầy ngạc nhiên trước vẻ đẹp của ánh trăng.  Hình ảnh ánh trăng trong con mắt nhà thơ mờ ảo: gợi ra hình ảnh Lý Bạch vừa uống rượu vừa thưởng trăng.  Thể hiện tâm trạng bâng khuâng và nhớ nhung.  => Hai câu đầu khắc họa hình ảnh đêm trăng đầy thơ mộng  **Câu 2:**  - Từ “vọng” được hiểu theo hai cách:  Nhìn ra xa - hành động ngắm trăng của nhà thơ.  Ngóng trông, nhìn về quê hương ở phía xa.  => Từ vọng đã diễn tả nỗi nhớ quê hương của nhà thơ.  - Lý Bạch đã xây dựng hai hình ảnh đối lập: “cử đầu” - “đê đầu” (ngẩng đầu - cúi đầu) giúp cho câu thơ trở nên đăng đối nhịp nhàng:  Ngẩng đầu: Nhìn về phía ánh trăng đang chiếu sáng khắp mặt đất, cả quê hương của nhà thơ.  Cúi đầu: Nhớ về quê cũ, nhà thơ đang tự nhìn vào nội tâm mình - tự đối mặt với nỗi nhớ quê hương da diết.  - Tình cảm của nhân vật trữ tình được bộc lộ trực tiếp qua từ “tư” (nhớ): nỗi nhớ quê hương sâu đậm.  => Hai câu sau khắc họa tình cảm nhớ thương của nhân vật trữ tình dành cho quê hương  **Câu 3:**  - Bốn động từ cho thấy mạch suy tư, cảm xúc của nhà thơ: Khi bắt gặp ánh trăng, nhà thơ cứ ngỡ đó là màn sương đêm. Rồi ngẩng đầu nhìn lên mới nhận ra đó là trăng chứ không phải sương, để rồi ánh trăng khiến nhà thơ nhớ đến quê hương. Và hành động cuối cùng là cúi xuống giống như là đang kìm nén cảm xúc đang trào dâng trong lòng.  => Hành động gắn liền với tâm trạng của tác giả, góp dẫn diễn tả nỗi nhớ quê hương sâu sắc |

***4. Củng cố:***  Cảm nghĩ của em sau khi học xong bài thơ?

Ngày giảng: ngày 23 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 12**

**Tiết 24:** **TỪ TRÁI NGHĨA**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:** Giúp học sinh

- Củng cố và nâng cao kiến thức về từ trái nghĩa.

- Thấy được tác dụng của việc sử dụng các cặp từ trái nghĩa.

**2. Kĩ năng**: - Sử dụng từ trái nghĩa có hiệu quả, đúng mục đích

**3. Thái độ**:

- Có ý thức sử dụng Tiếng Việt chính xác

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài họ***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Nêu hiểu biết của em về từ trái nghĩa?  **Hoạt động 2**: **Luyện tập**  **Câu 1**: Tìm những từ trái nghĩa trong các câu ca dao, tục ngữ trong SGK?  **Câu 2:** Điền các từ thích hợp vào chỗ trống:  - Sống dở … dở  - Thất bại là mẹ …  - Một miếng khi … bằng một gói khi no  - Lên thác … ghềnh  - Đánh kẻ chạy đi, không ai đánh người chạy …  - Trước lạ sau …  - Học … quên sau  - Đi ngược về ...  - … nhà rộng bụng  - Anh em như thể chân tay  … đùm bọc … đỡ đần  **Câu 3**: Hãy viết một đoạn văn ngắn về tình cảm quê hương, có sử dụng từ trái nghĩa? | - Hs trình bày  - Hs tìm  - Hs điền từ thích hợp  - Hs viết | **I. Lý thuyết**  **-** Từ trái nghĩa là những từ có nghĩa trái ngược nhau  - Từ trái nghĩa được sử dụng trong thế dối, tạo các hình tượng tương phản gây ấn tượng mạnh mẽ làm cho lời nói thêm sinh động.  **II. Luyện tập**  **Câu 1** :  - Các cặp từ trái nghĩa là: lành - rách, giàu - nghèo, áo - quần, ngắn - dài, đêm - ngày, sáng - tối.  **Câu 2:**  - Sống dở chết dở  - Thất bại là mẹ thành công  - Một miếng khi đói bằng một gói khi no  - Lên thác xuống ghềnh  - Đánh kẻ chạy đi, không ai đánh người chạy lại  - Trước lạ sau quen  - Học trước quên sau  - Đi ngược về xuôi  - Hẹp nhà rộng bụng  - Anh em như thể chân tay  Rách lành đùm bọc dở hay đỡ đần  **Câu 3:**  Trong cuộc đời mỗi người, ai sinh ra mà không có quê hương. Tôi cũng vậy. Quê hương tôi vốn là một vùng nông thôn trù phú với những cánh đồng rộng mênh mông. Nhưng thời gian qua đi, với sự phát triển của khoa học công nghệ, làng quê tôi đã dần thay đổi. Những căn nhà mái ngói cổ kính theo thời gian đã nhường chỗ cho nhà cao tầng hiện đại. Con đường cũng được đổ bê tông khang trang và tiện nghi hơn. Ngay cả người dân cũng trở nên hiện đại hơn. Dẫu vậy, đối với tôi, quê hương vẫn là một điều gì đó rất đỗi thân thương và đáng tự hào.  - Từ trái nghĩa: cổ kính - hiện đại. |

***4. Củng cố:***Lấy ví dụ về từ trái nghĩa

Ngày giảng: ngày 30 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 13**

**Tiết 25:** **TỪ ĐỒNG ÂM**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:** Giúp học sinh

- Hiểu được thế nào là từ đồng âm?

- Biết cách xác định nghĩa của từ đồng âm

**2. Kĩ năng**:

- Phân biệt từ đồng âm.

- Sử dụng các từ đồng âm hợp lí khi nói và viết

**3. Thái độ**: Có ý thức sử dụng và giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài họ***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Nêu hiểu biết của em về từ đồng âm?  **Hoạt động 2**: **Luyện tập**  **Câu 1**: Tìm từ đồng âm với mỗi từ sau đây: thu, cao, ba, tranh, sang, nam, sức, nhè, tuốt, môi.  **Câu 2:** Thực hiện bài tập 2 trong SKG | - Hs trình bày  - Hs tìm từ đồng âm  - Hs thực hiện bài tập | **I. Lý thuyết**  **-** Từ đồng âm là những từ giống nhau về âm thanh nhưng khác nhau về nghĩa, không có liên quan đến nhau  - Trong giao tiếp cần phải chú ý đến ngữ cảnh để tránh hiểu sai nghĩa của các từ hoặc dùng từ với nghĩa nước đôi do hiện tượng đồng âm  **II. Luyện tập**  **Câu 1** :  - Thu:  + Thu 1: danh từ, mùa thu ⟶ chỉ một mùa trong năm.  + Thu 2: động từ, thu tiền ⟶ chỉ hành động.  - Cao :  + Cao 1: tính từ, trái nghĩa với thấp.  + Cao 2: danh từ, chỉ một loại thuốc Nam dùng để chữa bệnh (cao khỉ, cao trăn).  - Ba :  + Ba 1: số từ, ba lớp tranh.  + Ba 2: danh từ, người sinh ra mình (ba mẹ).  - Tranh:  + Tranh 1: danh từ, tấm lợp kín bằng cỏ (tấm tranh).  + Tranh 2: động từ, bàn cãi để tìm ra lẽ phải (tranh cãi).  - Sang:  + Sang 1: động từ, biểu thị hướng hoạt động nhằm một đối tượng khác (sang phương).  + Sang 2: tính từ, làm cho người ta phải coi trọng (sang trọng).  - Nam:  + Nam 1: chỉ phương hướng (miền Nam)  + Nam 2: giới tính của con người (nam nhi)  - Sức:  + Sức 1: chỉ sức khỏe của con người (sức lực)  + Sức 2: danh từ: một loại văn bản do quan lại truyền xuống cho lí trưởng đốc thúc (tờ sức).  - Nhè:  + Nhè 1: động từ nhằm vào chỗ yếu, chỗ bất lợi của người khác  + Nhè 2: động từ bụm miệng lại dùng lưỡi để đẩy ra  - Tuốt:  + Tuốt 1: tính từ, thẳng một mạch đến tận nơi xa  + Tuốt 2: động từ, hành động lao động trong việc thu hoạt lúa (tuốt lúa)  - Môi:  + Môi 1: danh từ, chỉ bộ phận trên khuôn mặt (môi khô)  + Môi 2: tính từ, làm trung gian cho hai bên (môi giới)  **Câu 2:**  a) “Cổ”  - Cổ1: Bộ phận cơ thể nối đầu với thân.  (hươu cao cổ, khăn quàng cổ …)  - Cổ 2: Bộ phận của áo, yếm, giáng bao quanh cổ và cổ chân (cổ áo, giày cao cổ…)  - Cổ 3: Bộ phận nối liền giữa thân và miệng của đồ vật (cổ chai)  b. Cổ 1: Bộ phận của cơ thể người, đồ vật nối đầu với thân (DT)  Cổ 2: Xưa (tính từ) |

***4. Củng cố:***Tác dụng của việc sử dụng từ đồng âm?

Ngày giảng: ngày 30 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 13**

**Tiết 26:**

**CẢNH KHUYA, RẰM THÁNG GIÊNG**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Cảm nhận được tình yêu thiên nhiên gắn liền với lòng yêu nước của Hồ Chí Minh

**2. Kĩ năng** :

- Đọc, hiểu, phân tích thơ Chí Minh

**3. Thái độ**:

- Yêu quý kính trọng vị lãnh tụ của dân tộc Hồ Chí Minh.

- Yêu quý và có ý thức bảo vể thiên nhiên tươi đẹp.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I: Lý thuyết**  **Câu 1:** Nêu những hiểu biết của em về Chủ tịch Hồ Chí Minh? Hoàn cảnh ra đời của bài thơ?  **Hoạt động II: Luyện tập**  **Câu 1:** Ở đâu câu 1 tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật nào? Tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó?  **Câu 2:** Em hãy chỉ ra vẻ đẹp của hình ảnh trong câu thơ thứ 2?  **Câu 3:** câu thơ thứ 3 có vai trò gì?  **Câu 4:** Tác giả sử dụng điệp ngữ nào ở 2 câu này? Tác dụng của việc sử dụng điệp ngữ đó? | - Hs nêu vài nét tiêu biểu  - Hs nêu biện pháp nghệ thuật  - Hs phân tích  - Hs nêu vai trò  - Hs suy nghĩ trả lời | **I. Lý thuyết**  **Câu 1**  *a. Tác giả*  - HCM (1890- 1969) là vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc VN, một danh nhân văn hoá thế giới, một nhà thơ lớn của dân tộc..  b.Tác phẩm:  - Bài thơ được Bác Hồ Viết ở chiến khu Việt Bắc, trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946- 1954  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Nghệ thuật:  + So sánh:Tiếng suối trong như tiếng hát xa của con người.  -> Tác dụng: Tiếng suối (thiên nhiên) trở nên gần gũi, thân mật như con người, giống như con người trẻ trung, trong trẻo đầy sức sống  + Lấy động để tả tĩnh: Tiếng suối xa diễn tả cảnh đêm khuya tĩnh lặng, thanh bình.  **Câu 2:**  - Điệp từ "lồng" => bức tranh rừng vừa có vẻ đẹp nhiều tầng lớp: cao – thấp - sáng – tối hoà hợp quấn quýt; đường nét hình khối đa dạng vừa tạo nên vẻ đẹp lung linh, huyền ảo chỗ đậm , chỗ nhạt:  => Bóng cây cổ thụ vươn cao, toả rộng lấp loáng ánh trăng.  => Bóng lá, bóng cây, bóng trăng in vào  khóm hoa, in lên mặt đất thành những hình bông hoa trăng dệt thêu như gấm.  => Câu thơ thể hiện vẻ đẹp hình ảnh => trong thơ có hoạ.  **Câu 3:**  - Vai trò chuyển ý:  + Nửa trước khép lại ý của hai câu đầu  + Nửa sau mở ra ý của câu cuối  **Câu 4**  - Điệp ngữ : “chưa ngủ”, ( điệp bắc cầu)  + Thể hiện chất nghệ sĩ trong tâm hồn HCM. (chưa ngủ vì say mê cảnh đẹp)  + Làm nổi bật nỗi niềm trằn trọc của Người  "Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà" Ngườì lo cho dân cho nước - liên hệ lịch sử). |

***4. Củng cố:*** Nêu những nét đặc sắc về nội dung nghệ thuật của bài thơ?

Ngày giảng: ngày 7 tháng 12 năm 2020

**TUẦN 14**

**Tiết 27:** **THÀNH NGỮ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:** Giúp học sinh

- HS hiểu đc khái niệm thành ngữ, nghĩa của thành ngữ, chức năng của thành ngữ trong câu, đặc điểm diễn đạt và tác dụng của thành ngữ.

**2. Kĩ năng**:

- Nhận biết thành ngữ, giải thích ý nghĩa của một số thành ngữ thông dụng.

**3. Thái độ**: Ý thức ham học, có ý thức trau dồi kĩ năng nhận biết và sử dụng thành ngữ trong nói và viết.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài họ***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Nêu hiểu biết của em về thành ngữ?  **Hoạt động 2**: **Luyện tập**  **Câu 1**:  a. Cụm từ lên thác xuống ghềnh có nghĩa là gì? Tại sao lại nói lên thác xuống ghềnh?  b. Nhanh như chớp có nghĩa là gì? Tại sao lại nói là nhanh như chớp.  **Câu 2:** Hãy sưu tầm thêm ít nhất mười thành ngữ chưa được giới thiệu trong sách giáo khoa và giải nghĩa các thành ngữ ấy? | - Hs trình bày  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs sưu tầm các thành ngữ | **I. Lý thuyết**  - Thành ngữ là loại cụm từ có cấu tạo cố định, biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh.  - Nghĩa của thành ngữ có thể bắt nguồn trực tiếp từ nghĩa đen của các từ tạo nên nó nhưng thường thông qua một số phép chuyểnnghĩa như ẩn dụ, so sánh…  **II. Luyện tập**  **Câu 1** :  a) Cụm từ lên thác xuống ghềnh có nghĩa là lặn lội khó khăn vất vả, hiểm nguy.  - Thác: Chỗ dòng sông có vực đá làm cho nước chảy dốc xuống.  - Ghềnh: Vũng sâu nước chảy xoáy mạnh.  => Do đó lên thác xuống ghềnh quả là công việc vất vả, khó khăn, nguy hiểm.  b) Nhanh như chớp: rất nhanh, cực kì nhanh.  - Chớp: là cái ánh sáng lóe ra rất nhanh.  - Nói nhanh như chớp là cụ thể hóa cái nhanh ấy.  **Câu 2:**  - Nhà tranh vách đất: nhà có mái tranh, tường làm bằng đất ⟹ cảnh nghèo xơ xác.  - Thuần phong mĩ tục: phong tục, tập quán, lối sống tốt đẹp, mang bản sắc riêng của một dân tộc.  - Vững như bàn thạch: Bàn thạch tức là bàn bằng đá ⟹ rất vững vàng, không gì lay chuyển được.  - Mèo nhỏ bắt chuột nhỏ: Biểu thị việc làm vừa phải, phù hợp với khả năng và sức lực của mình.  - Mèo mù vớ cá rán: Sự may mắn bất ngờ ngoài khả năng.  - Ruột để ngoài da: Đểnh đoảng hay quên, vô tâm, vô tính.  - Gan vàng dạ sắt: biểu thị phẩm chất cao quý của con người trung thành, kiên định không gì lay chuyển.  - Chó cắn áo rách: Đã nghèo khổ lại còn gặp thêm tai nạn.  - Ruột nóng như cào: Rất suốt ruột, bồn chồn, không yên lòng.  - Nhắm mắt làm ngơ: Cố tình lảng tránh, làm ra vẻ không hay biết gì về sự việc đang diễn ra. |

***4. Củng cố:***Nghĩa của thành ngữ ?

Ngày giảng: ngày 7 tháng 12 năm 2020

**TUẦN 14**

**Tiết 28:** **ĐIỆP NGỮ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:** Giúp học sinh hiểu được thế nào là điệp ngữ và giá trị của điệp ngữ.

**2. Kĩ năng**:

- Có khả năng phân tích giá trị biểu cảm và điệp ngữ trong câu văn cảnh, ngữ cảnh cụ thể.

**3. Thái độ**: - Ý thức ham học, nghiêm túc, tích cực.Ý thức sử dụng ngôn ngữ đúng, ý thức trau dồi và yêu tiếng Việt.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài họ***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Nêu hiểu biết của em về điệp ngữ?  **Hoạt động 2**: **Luyện tập**  **Câu 1**: Tìm điệp ngữ trong đoạn trích dưới đây và cho biết tác giả muốn nhấn mạnh điều gì?  a) Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn tám mươi năm nay. Một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống Phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!  (Hồ Chí Minh)  b) Người ta đi cấy lấy công,  Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề.  Trông trời, trông đất, trông mây,  Trông mưa, trông gió, trông ngày, trông đêm.  Trông cho chân cứng đá mềm.  Trời êm, biển lặng mới yên tấm lòng.  (Ca dao)  **Câu 2:** Tìm điệp ngữ trong đoạn văn sau và nói rõ đấy là những dạng điệp ngữ gì?  “ Vậy mà giờ đây, anh em tôi sắp phải xa nhau. Có thể sẽ xa nhau mãi mãi. Lạy trời đây chỉ là một giấc mơ. Một giấc mơ thôi”.  (Khánh Hoài)  **Câu 3:** Theo em, trong đoạn văn sau đây, việc lặp đi lặp lại một số từ ngữ có tác dụng biểu cảm không?  Em hãy chữa lại đoạn văn?  “Phía sau nhà em có trồng một mảnh vườn. Mảnh vườn ở phía sau nhà em, em trồng rất nhiều loài hoa. Em trồng hoa cúc. Em trồng hoa thược dược. Em trồng hoa đồng tiền. Em trồng hoa hồng. Em trồng cả hoa lay ơn nữa. Ngày Phụ nữ quốc tế, em hái hoa sau vườn nhà em tặng mẹ em. Em hái hoa tặng chị em…” | - Hs trình bày  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs tìm  - Hs trả lời và chữa lại đoạn văn | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:** Khi nói hoặc viết, người ta có thể dùng biện pháp lặp lại từ ngữ (hoặc cả một câu) để làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh. Cách lặp lại như vậy gọi là phép điệp ngữ, từ ngữ được lặp lại gọi là điệp ngữ.  - Điệp ngữ có nhiều dạng là điệp ngữ cách quãng, điệp ngữ nối tiếp, điệp ngữ chuyển tiếp (điệp ngữ vòng).  **II. Luyện tập**  **Câu 1** :  Có các điệp ngữ:  a) - một dân tộc đã gan góc  - dân tộc đó phải được  Tác giả dùng các điệp ngữ trên nhằm nhấn mạnh ý dân tộc ta phải được tự do, độc lập, xứng đáng được tự do độc lập.  b) đi cấy: nhấn mạnh công việc làm.  trông: nhấn mạnh sự vất vả cực lòng của nhà nông.  **Câu 2:**  - Xa nhau: điệp ngữ cách quãng.  - Một giấc mơ: điệp ngữ nối tiếp  **Câu 3:**  - Trong đoạn văn ấy, việc lặp đi lặp lại một số từ ngữ không cần thiết làm cho câu văn rườm rà, không mang một giá trị nào cả  - Có thể chữa lại như sau:  “Phía sau nhà em có một mảnh vườn. Em trồng rất nhiều hoa: nào cúc, thược dược, đồng tiền, hồng và cả lay ơn. Ngày phụ nữ quốc tế, em hái hoa sau vườn nhà tặng mẹ em và chị em.” |

***4. Củng cố:***Lấy ví dụ về phép điệp ngữ?

Ngày giảng: ngày 14 tháng 12năm 2020

**TUẦN 15**

**Tiết 29,30:**

**TIẾNG GÀ TRƯA**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Cảm nhận được vẻ đẹp trong sáng, đằm thắm của những kỷ niệm về tuổi thơ và tình cảm bà cháu được thể hiện trong bài thơ.

- Thấy được nghệ thuật biểu hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả qua những chi tiết tự nhiên, bình dị.

**2. Kĩ năng** :

- Đọc - hiểu, phân tích văn bản thơ trữ tình có sử dụng các yếu tố tự sự.

- Phân tích các yếu tố biểu cảm trong văn bản.

**3. Thái độ**:

- GD tình yêu gia đình, quê hương đất nước.

- Ý thức làm việc nghiêm túc, tự học, trung thực.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I: Lý thuyết**  ***Câu 1:*** Nêu những hiểu biết của em về Chủ tịch Hồ Chí Minh? Hoàn cảnh ra đời của bài thơ?  **Hoạt động II: Luyện tập**  **Câu 1:** Cảm hứng của tác giả được gợi từ sự việc gì?  **Câu 2:** Trong đoan thơ trên tác giả đã sử dụng thành công nghệ thuật gì?  Tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó?  **Câu 3:** Suy nghĩ của em về ý nghĩa của âm thanh quen thuộc này trong bài thơ? Cảm nhận về vẻ đẹp trong tâm hồn người chiến sĩ ?  **Câu 4:** Những hình ảnh và kỹ niệm nào trong tuổi thơ được gợi lại từ tiếng gà trưa?  **Câu 5:** Nỗi lo của bà trong đoạn thơ gợi cho em suy nghĩ gì?  **Câu 6:** Nhận xét về cách kết thúc bài thơ? | - Hs nêu vài nét tiêu biểu  - Hs cảm nhận  - Hs nêu biện pháp nghệ thuật  - Hs nêu suy nghĩ  - Hs phân tích | **I. Lý thuyết**  *a.Tác giả: (1942- 1988)*  - Quê: Hà Tây  - Là nhà thơ nữ xuất sắc trong nền thơ hiện đại Việt Nam*.*  *b.Tác phẩm:*  - “Tiếng gà trưa” viết trong thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống Mĩ; và nằm trong tập thơ : Hoa dọc chiến hào (1968), in lại trong “Sân ga chiều em đi” (1984).  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  Cảm hứng của tác giả và mạch cảm xúc của bài thơ.  - Cảm hứng của bài thơ (khổ 1)  " Trên đường hành quân xa  …………………………  Nghe gọi về tuổi thơ"  +Hoàn cảnh: Trên đường hành quân xa, trưa nắng, mệt mỏi người chiến sĩ dừng chân nghỉ lại bên xóm nhỏ chợt nghe tiếng gà trưa nhảy ổ: “cục …cục tác cục ta”.  **Câu 2:**  - Điệp từ nghe nhấn mạnh cảm giác khi nghe tiếng gà trưa. Âm thanh gọi về tuổi thơ, tạo nên thay đổi trong tâm hồn, đánh thức tâm hồn, lan toả ra cảnh vật, nâng đỡ trên từng chặng đường hành quân gian nan, vất vả. Điệp từ nghe còn gợi ra sự thiết tha của tiếng gà và tâm trạng bồi hồi, xúc động cua người chiến sĩ.  => Tiếng gà trưa hay tiếng gọi của quá khứ, kỉ niệm về một tuổi thơ gắn bó với không gian làng quê, gia đình, gắn bó với người bà kính yêu.  **Câu 3:**  - Tiếng gà trưa giản dị nhưng là âm thanh quen thuộc của làng quê, gắn bó với tuổi thơ mỗi người; tạo niềm vui cho người nông dân. Là biểu tượng của quê hương, tuổi thơ-> yêu quê hương, gia đình.  + Hình ảnh, âm thanh tạo ra cảm hứng:  + Câu thơ “Tiếng gà trưa ” được lặp lại 4 lần ở đầu các khổ thơ.  + Mỗi một lần nhắc lại câu thơ này lại gợi ra một kỷ niệm thời thơ ấu.  **Câu 4:** Những hình ảnh và kỷ niệm của bài thơ được gợi lại từ “tiếng gà trưa”  - Kỷ niệm những con gà mái tơ, gà mái vàng, ổ trứng hồng đẹp…  - Kỷ niệm về những lần tò mò xem trộm gà đẻ bị bà mắng.  - Hình ảnh người bà đầy lòng yêu thương, chắt chiu, dành dụm chăm lo cho cháu.  - Niềm vui nhỏ bé của bài thơ: có bộ quần áo mới từ tiền bán gà.  **Câu 5:**  - Bà lo lắng cho đàn gà khi đông tới:  Khi gió mùa đông tới...  + Lo đàn gà toi  + Lo cho cháu tết không có quần áo mới.  -> Lo vì niềm vui của cháu, của tuổi già cô đơn của bà. Nỗi lo chân thật trong cuộc sống khó khăn- Tình yêu thương giản dị, thầm lặng.  => Là người tần tảo, chắt chiu trong cảnh nghèo, thương yêu lo lắng cho cháu, bảo ban nhắc nhở cháu, ngay cả khi có mắng thì cũng là vì tình yêu thương cháu.  **Câu 6:** Kết thúc rõ ràng, dễ hiểu, giản dị không đơn giản.  => Từ một tiếng gà trưa mà suy nghĩ, liên tưởng, nhớ lại, bồi hồi thương yêu bà, yêu quê nghèo. Từ đó đem cả tiếng gà trưa vào cuộc chiến đấu.  - Từ vì được lặp lại khẳng định niềm tin chân thưc, chắc chắn của con người vì mục đích chiến đấu hết sức cao cả, bình thường, giản dị. |

***4. Củng cố:*** Cảm nhận chung về bài thơ?

Ngày giảng: ngày 21 tháng 12 năm 2020

**TUẦN 16**

**Tiết 31,32:**

**MỘT THỨ QUÀ CỦA LÚA NON: CỐM**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Cảm nhận được phong vị đặc sắc, nét tinh tế, nét đẹp văn hoá trong một thứ quà độc đáo và giản dị của dân tộc.

- Thấy được sự tinh tế, nhẹ nhàng mà sâu sắc trong lối văn tuỳ bút của Thạch Lam.

**2. Kĩ năng** :

- - Đọc, cảm nhận, tìm hiểu và phân tích chất trữ tình, chất thơ trong văn bản tuỳ bút.

**3. Thái độ**:

- Yêu quý, trân trọng những nét văn hoá truyền thống của dân tộc.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I: Lý thuyết**  **Câu 1:** nêu vài nột về tác giả…..và tác phẩm“ Một thứ quả của lúa non: Cốm”?  **Hoạt động II: Luyện tập**  **Câu 1:** Cảm xúc tác giả bắt đầu từ đâu? Nhờ giác quan nào là chủ yếu?  **Câu 2:** Em có nhận xét gì về giọng văn, cách miêu tả trong đoạn văn này? Và cách dẫn vào bài viết có điểm gì hay?  **Câu 3:** Tác giả đó chỉ ra những giá trị nào của Cốm?  **Câu 4:** Tác giả đã chỉ ra sự hoà hợp giữa hai sản vật nào? Sự hoà hợp đó thể hiện như thế nào?  **Câu 5:** Tác giả bàn về sự thưởng thức Cốm như thế nào?  **Câu 6:** Tác giả thuyết phục người mua cốm ntn?  ý nghĩa của lời thuyết phục đó là gì | - Hs nêu vài nét tiêu biểu  - Hs cảm nhận  - Hs nhận xét  - Hs nêu giá trị Cốm  - Hs phân tích  - Hs phân tích  - Hs nêu ý nghĩa | **I. Lý thuyết**  *a. Tác giả:*  - Thạch Lam (1910-1942)  + Tên thật: Nguyễn Tường Vinh sau đổi thành Nguyễn Tường Lân.  + Là một nhà văn nổi tiếng của nhóm “Tự lực văn đoàn”  + Ông có sở trường về truyện ngắn và tu  *b. Tác phẩm:* Được rút từ tập tuỳ bút:  Hà Nội băm sáu phố phường ( 1943).  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Cốm – Sự tinh tế của thiên nhiên và sự khéo léo của con người:  \* Cốm - đặc sản của làng Vòng.  - Cảm hứng được gợi lên từ hương thơm của lá sen trong cơn gió mùa hạ.  - Hương thơm ấy gợi nhắc đến hương vị của Cốm.  **Câu 2:**  - Cách miêu tả khêu gợi được cảm xúc , cho ta cảm nhận thấy sự tinh tế của thiên nhiên đúc kết trong từng hạt cốm.  - Quá trình dẫn nhập từ tốn, tự nhiên, thanh nhã, trang trọng thể hiện sự nhạy cảm, cảm giác tinh tế, tình yêu sâu nặng của tác giả về cốm.  **Câu 3:** Cảm nghĩ về giá trị của cốm:  - Cốm là thức quà riêng biệt của đất Vịêt. do vậy nó là sản phẩm chứa đựng giá trị văn hoá:  + Cốm được chọn làm đồ sêu tết.  + Thích hợp với nghi lễ của đất nước nông nghiệp.  -> Cốm: Là thức quà hàng ngày  Là lễ vật quý, sang trọng  Là đặc sản mà giản dị, thanh khiết, thân thuộc.  **Câu 4:**  \*Sự hoà hợp giữa cốm - hồng:  - Màu sắc: sắc xanh cốm - đỏ hồng  - Hương vị: cốm: thanh đạm; hồng: ngọt sắc => 2 hương vị nâng đỡ cho nhau.  - Về triết lí âm dương:  Cốm: âm | Hồng: dương  Màu xanh | đỏ  Vị thanh đạm | ngọt sắc  Bánh cốm vuông | hồng tròn  -> âm dương hoà hợp, hạnh phúc lâu bền, nhiều con lắm cháu (triết lý phồn thực và sùng bái con người, của văn hoá nông nghiệp).  **Câu 5**:  Sự thưởng thức cốm:  - Cách ăn quà thanh nhã, lịch sự :  + Ăn chậm rãi, thong thả, vừa ăn vừa ngẫm nghĩ, nhấm nháp  + Phải thưởng thức bằng các giác quan: khứu giác, vị giác, thậm chí cả xúc giác để thấy được hương vị đặc biệt, những cảm giác cho cốm gợi ra và thưởng thức những giá trị kết tinh ở đó.  **Câu 6:**  - Lời đề nghị mua cốm thẳng thắn, chí lý, chí tình: Hãy, chớ, phải, nên (từ mệnh lệnh, cầu khiến).  - Người mua cốm: phải nhẹ nhàng, nâng đỡ chút chiu.  - Vì : Cốm là lộc của trời, cái khéo léo của người và sự cố sức tiềm tàng và nhẫn nại của thân lúa.  => Xem cốm như một giá trị tinh thần thiêng liêng được trân trọng và gìn giữ xuất phát từ một tấm lòng, một trái tim người Hà Nội. |

***4. Củng cố:*** tìm đoạn văn mà em yêu thích nhất trong bài? Nêu cảm nhận về đoạn văn đó

Ngày giảng: ngày 28 tháng 12 năm 2020

**TUẦN 17**

**Tiết 33:** **CHƠI CHỮ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:** Giúp học sinh

- Nắm được khái niệm về chơi chữ và một số lối chơi chữ thường dùng

- Bước đầu cảm thụ được cái hay, lý thú của chơi chữ.

**2. Kĩ năng**:

- Phân tích, cảm nhận và vận dụng chơi chữ đơn giản trong nói và viết.

**3. Thái độ**: - Có ý thức sử dụng biện pháp tu từ chơi chữ phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài họ***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Nêu hiểu biết của em về chơi chữ?  **Hoạt động 2**: **Luyện tập**  **Câu 1**: Mỗi câu sau đây có những tiếng nào chỉ các sự vật gần gũi nhau? Cách nói này có phải là chơi chữ không?  - Trời mưa đất thịt trơn như mỡ, dò đến hàng nem chả muốn ăn.  - Bà đồ Nứa, đi võng đòn tre, đến khóm trúc, thở dài hi hóp.  **Câu 2:** Sưu tầm một số cách chơi chữ trong sách báo | - Hs trình bày  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs sưu tầm cách chơi chữ | **I. Lý thuyết**  - Chơi chữ là lợi dụng đặc sắc về âm, về nghĩa của từ ngữ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước… làm câu văn hấp dẫn thú vị.  - Các lối chơi chữ thường gặp là:  +Dùng từ ngữ đồng âm  +Dùng lối nói trại âm  +Dùng cách điệp âm  +Dùng lối nói lái  +Dùng từ ngữ trái nghĩa, đồng nghĩa, gần nghĩa.  - Chơi chữ được sử dụng trong cuộc sống thường ngày, trong văn thơ, đặc biệt là trong thơ văn trào phúng, trong câu đối, câu đố…  **II. Luyện tập**  **Câu 1** :  Câu 1: thịt, mỡ, giò, nem, chả.  Câu 2: nứa tre, trúc, hóp.  Cách nói này cũng là một lối chơi chữ.  **Câu 2:**  - Thay đối trật tự các chữ (hay nói ngược):  - Vợ cả, vợ hai, (hai vợ) cả hai đều là vợ cả.  - Thầy tu, thầy chùa, chùa thầy cứ việc thầy tu.  - Câu đối của tri huyện Lê Kim Thằng và Xiển Bột:  - Học trò là học trò con, tóc đỏ như son là con học trò.  - Tri huyện là tri huyện Thằng, ăn nói lằng nhằng là thằng tri huyện |

***4. Củng cố:***Kể tên các lối chơi chữ thường gặp?

Ngày giảng: ngày 28 tháng 12 năm 2020

**TUẦN 17**

**Tiết 34:** **ÔN TẬP CUỐI KÌ I**

**Tuần 18:**

**Tiết 35,36:**

**KIỂM TRA HỌC KỲ I**